

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BÁO CÁO

**Đánh giá tác động thủ tục hành chính
trong Dự án Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi)**

Hà Nội, tháng 02/2020

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO**Đánh giá tác động thủ tục hành chính
trong Dự án Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi)**

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và hướng dẫn đánh giá tác động thủ tục hành chính của Bộ Tư pháp tại Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24 tháng 02 năm 2014, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành đánh giá tác động thủ tục hành chính trong quá trình xây dựng Dự án Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi (sau đây gọi tắt là Dự án Luật), đến thời điểm hiện tại, dự án Luật đã được hoàn chỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính được quy định trong Dự án Luật như sau:

I. Thống kê danh mục thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong Dự án Luật

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện rà soát dự án Luật với tổng số lượng thủ tục hành chính (TTHC) mới và sửa đổi, bổ sung là 05 TTHC, trong đó: có 02 TTHC mới, 03 TTHC sửa đổi, bổ sung. Toàn bộ TTHC mới và TTHC sửa đổi, bổ sung sẽ được đánh giá trong báo cáo này.

Các TTHC mới bao gồm:

- 1) TTHC 1: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường (Điều 18).
- 2) TTHC 2: Cấp giấy phép môi trường (Điều 14, 23).

Các TTHC sửa đổi, bổ sung bao gồm:

- 1) TTHC 3: Thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (Điều 9, 12).
- 2) TTHC 4: Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Điều 14, 19, 20).
- 3) TTHC 5: Cấp giấy chứng nhận nhãn sinh thái đối với sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường (Điều 117);

II. Đánh giá tác động của các TTHC mới và TTHC sửa đổi, bổ sung

Các TTHC mới và các TTHC sửa đổi, bổ sung dự kiến đưa ra trong dự án Luật về cơ bản chỉ cấu thành tên TTHC và một số nội dung chính (đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết), chưa hình thành đầy đủ nội dung của TTHC (gồm trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần, số lượng hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai, thời hạn giải quyết, phí, lệ phí...). Vì vậy báo cáo này chỉ đánh giá tác động chung của các thủ tục, bao gồm sự cần thiết của TTHC dự kiến ban hành, tính hợp lý, tính hợp pháp và các thông tin mang tính định tính. Việc đánh giá chi phí tuân thủ TTHC cũng chỉ mang tính tương đối, do các văn bản dưới luật sẽ quy định cụ thể trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai, thời hạn giải quyết, phí, lệ phí của các

TTHC nêu trên. Kết quả đánh giá cụ thể như sau:

2.1. Đối với nhóm thủ tục hành chính mới:

a) TTHC 1: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường

Thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) là nội dung mới được sửa đổi, bổ sung nhằm tăng cường sự tham gia kiểm tra, đánh giá độc lập của các tổ chức có chuyên môn trong quá trình xem xét các tác động môi trường của dự án đầu tư, tăng cường chất lượng của báo cáo ĐTM và giảm áp lực cho cơ quan quản lý Nhà nước trong công tác thẩm định báo cáo ĐTM. Điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với các dự án có nguy cơ cao tác động xấu đến môi trường và xã hội, ảnh hưởng lớn đến đa dạng sinh học, hệ sinh thái, sinh kế và dân cư, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Việc hỗ trợ thẩm tra, đánh giá về chuyên môn của các đơn vị có năng lực là cần thiết, giúp chủ dự án hiểu đúng, đầy đủ các tác động môi trường của dự án, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả của dự án về mặt kinh tế, môi trường, xã hội và là căn cứ để chủ dự án hoàn thiện báo cáo ĐTM trước khi trình thẩm định. Tuy nhiên, để bảo đảm vai trò của mình, các tổ chức tham gia hoạt động thẩm tra báo cáo ĐTM phải bảo đảm điều kiện và năng lực nhất định.

TTHC này quy định đơn vị thẩm tra báo cáo ĐTM cần phải được cơ quan có thẩm quyền xem xét về điều kiện, năng lực chuyên môn để thực hiện công tác thẩm tra giúp cho chủ đầu tư trong nhận diện, đánh giá và dự báo các tác động môi trường của dự án đầu tư. Quy định này cũng giúp cho cơ quan quản lý Nhà nước kiểm soát được hoạt động ngành nghề chuyên môn của tổ chức thẩm tra đúng theo quy định của luật pháp.

Việc tăng cường sự tham gia kiểm tra, đánh giá độc lập báo cáo ĐTM của các tổ chức có chuyên môn là cần thiết. Hiện trong Dự thảo Luật, nội dung phương án này đang được đưa ra để xin ý kiến Chính phủ. Trường hợp được Chính phủ đồng ý và được Quốc hội thông qua, TTHC về cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ thẩm tra Báo cáo ĐTM sẽ là TTHC mới được triển khai trong lĩnh vực bảo vệ môi trường từ ngày 01 tháng 01 năm 2024. (Đánh giá chi tiết được thực hiện tại biểu mẫu kèm theo).

TTHC này quy định tại Điều 18 dự án Luật.

b) TTHC 2: Cấp giấy phép môi trường

Hiện nay, theo quy định pháp luật hiện hành của Luật BVMT 2014 và một số luật liên quan như Luật Tài nguyên nước 2012, Luật Thủy lợi 2017, sau giai đoạn ĐTM, phê duyệt dự án, trước khi dự án chính thức đi vào vận hành hoạt động, chủ dự án có thể phải thực hiện nhiều TTHC trong lĩnh vực BVMT và các lĩnh vực khác có liên quan, bao gồm: giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; giấy phép xả khí thải; giấy chứng nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; giấy phép xử lý chất thải nguy hại; sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; phương án bảo vệ môi trường; kế hoạch quản lý môi trường... Việc cùng lúc tồn tại nhiều văn bản có tính pháp lý sau ĐTM, nội dung quy định đôi khi không thống nhất (do quy định trong những

thời điểm khác nhau và các cơ quan cấp phép khác nhau) gây khó khăn đối với cơ quan quản lý trong công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật về BVMT của tổ chức, cá nhân và cũng làm doanh nghiệp lúng túng, không biết thực hiện theo quy định nào.

Bên cạnh đó, việc coi quyết định phê duyệt và báo cáo ĐTM là "công cụ vận hành", là căn cứ để cơ quan quản lý giám sát, kiểm tra, thanh tra cơ sở trong giai đoạn vận hành hoạt động như thực tế diễn ra trong thời gian qua cũng là không hợp lý do trong giai đoạn vận hành, các vấn đề môi trường của cơ sở hoàn toàn có thể thay đổi so với những nội dung đã dự báo, đề xuất trong báo cáo ĐTM.

Với quan điểm, chủ trương giảm thiểu gánh nặng TTHC, tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho các dự án nhưng vẫn bảo đảm quản lý chặt chẽ, hiệu quả bảo vệ môi trường khi dự án đi vào hoạt động, phân định rõ vai trò của công cụ ĐTM và các công cụ quản lý môi trường khác trong các giai đoạn xem xét đầu tư, thực hiện dự án, đồng thời hài hoà với thông lệ, kinh nghiệm quốc tế, dự án Luật đã bổ sung quy định về Giấy phép môi trường - là công cụ quản lý có tính thống nhất và pháp lý cao để giám sát, kiểm tra, thanh tra hoạt động BVMT đối với các dự án trong giai đoạn thực hiện (xây dựng, vận hành thử nghiệm, vận hành thương mại) và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động. TTHC cấp giấy phép môi trường (GPMT) sẽ thay thế nhiều TTHC đối với dự án mà tổ chức, cá nhân đang phải thực hiện nay (giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, giấy phép xả thải vào nguồn nước; giấy phép xả khí thải; giấy chứng nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu; giấy phép xử lý chất thải nguy hại; sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; phương án bảo vệ môi trường; kế hoạch quản lý môi trường...) theo quy định pháp luật trong lĩnh vực BVMT và một số lĩnh vực khác có liên quan (Luật Thủy lợi, Luật Tài nguyên nước). Trong dự án Luật, TTHC cấp GPMT được quy định thực hiện trước khi dự án đi vào vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải (đối với trường hợp dự án thuộc đối tượng vừa phải thực hiện ĐTM, vừa phải có GPMT) hoặc trước khi thẩm định cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp dự án không phải thực hiện ĐTM. Quy định này bảo đảm các yêu cầu môi trường được xác định rõ ràng trước khi tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động phát thải của dự án, đồng thời cũng tương thích với quy định của pháp luật về xây dựng nhằm tránh việc các tổ chức, cá nhân phải tiến hành TTHC điều chỉnh giấy phép xây dựng nhiều lần khi phải cải tạo, nâng cấp các công trình để đáp ứng yêu cầu phát thải, BVMT của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường nếu cấp phép sau.

Theo quy định của dự án Luật, mọi dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh chất thải đều phải có GPMT, trừ một số trường hợp như cơ quan, trường học; dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô nhỏ, ít ảnh hưởng đến môi trường trong giai đoạn thực hiện dự án và không phát sinh chất thải hoặc chỉ phát sinh chất thải thông thường với khối lượng nhỏ được xử lý bằng các công trình, thiết bị xử lý tại chỗ đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc phát sinh chất thải sinh hoạt được quản lý theo quy định của địa phương... Tuy nhiên, để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC cấp GPMT; GPMT được thiết kế thành 02 loại, gồm: GPMT chi tiết và GPMT đơn giản, phụ thuộc vào quy mô phát thải, loại hình sản xuất, mức độ gây ô nhiễm môi trường của dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

và phân cấp việc cấp GPMT xuống đến cơ quan quản lý cấp huyện. Tương ứng với đó, thủ tục cấp GPMT cũng sẽ được quy định theo 02 mức với thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục, cách thức thực hiện, yêu cầu điều kiện... khác nhau. Trong dự án Luật, các nội dung này hiện quy định mang tính nguyên tắc, sẽ được cụ thể hoá trong Nghị định hướng dẫn của Chính phủ. Do đó, việc đánh giá được tiến hành chung cho TTHC về cấp GPMT (*Đánh giá chi tiết được thực hiện tại biểu mẫu kèm theo*).

TTHC này quy định tại Điều 14 và Điều 23 dự án Luật.

2.2. Đối với các TTHC được sửa đổi, bổ sung:

a) TTHC 3: Thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

Chế định về đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) đã được quy định trong pháp luật BVMT Việt Nam kể từ Luật BVMT năm 2005. Theo đó, ĐMC được tiến hành một cách song song với quá trình xây dựng một chiến lược, một quy hoạch, một kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành, lĩnh vực. ĐMC có mục đích chính là: gắn kết một cách khoa học nhất các khía cạnh về môi trường vào quá trình ra một quyết định chiến lược; dự báo và cung cấp một cách đầy đủ và toàn diện nhất các thông tin về xu hướng biến đổi môi trường, tác động môi trường có thể xảy ra bởi quyết định chiến lược đó khi được triển khai thực hiện. Bằng nguyên tắc đi song song với quá trình ra một quyết định chiến lược, ĐMC có ý nghĩa hết sức quan trọng là bảo đảm rằng các khía cạnh về môi trường có thể hỗ trợ một cách có hiệu quả nhất ho từng khâu, từng bước và cho toàn bộ quá trình ra quyết định, góp phần đáng kể làm cho quyết định đó có tính khả thi và bền vững trong thực tế triển khai.

TTHC thẩm định báo cáo ĐMC đã và đang được triển khai thực hiện tương đối hiệu quả theo hệ thống quy định pháp luật về BVMT. Việc thẩm định báo cáo ĐMC có thể trợ giúp để thực hiện được ý tưởng của sự phát triển bền vững thông qua việc gắn kết các mục tiêu về môi trường với các mục tiêu về kinh tế và xã hội trong quá trình ra một quyết định mang tính chiến lược. Dựa vào kết quả của ĐMC, người ta có thể chỉ ra các định hướng chính xác hơn, cụ thể hơn cho công tác ĐTM trong giai đoạn xây dựng các dự án đầu tư tiếp theo đối với những ngành cụ thể, những vùng cụ thể, và vì thế công tác ĐTM sẽ có hiệu quả và chất lượng cao hơn.

Trong dự án Luật, đối tượng thực hiện ĐMC, cơ quan thẩm định ĐMC có sự điều chỉnh để phù hợp với Luật quy hoạch, dẫn đến thu hẹp đối tượng thực hiện TTHC và thay đổi một phần cơ quan giải quyết TTHC (*Đánh giá chi tiết được thực hiện tại biểu mẫu kèm theo*).

TTHC này quy định tại Điều 9 và Điều 12 dự án Luật.

b) TTHC 4: Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Thủ tục thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường là thủ tục được duy trì và thực hiện kể từ Luật BVMT năm 1993. Qua các lần sửa đổi quy định pháp luật, TTHC thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM đã được sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định kiểm soát chặt chẽ đối với các báo cáo ĐTM, giúp kiểm tra, xác định và có kết luận chính xác, khoa học, khách quan, trung thực đối với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của một dự án mà chủ đầu tư đã lập ra.

Trong dự án Luật này, chế định về ĐTM tiếp tục được điều chỉnh để phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành, hài hoà thông lệ, kinh nghiệm quốc tế về ĐTM, nâng cao chất lượng công tác ĐTM, bảo đảm đúng vai trò dự báo, kiểm soát ô nhiễm của công cụ ĐTM đối với dự án trong giai đoạn xem xét đầu tư. Theo đó, các đối tượng dự án phải thực hiện ĐTM sẽ quy định theo hướng thu hẹp, chỉ tập trung vào các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng; dự án sử dụng diện tích đất, mặt nước lớn; dự án tác động đến cảnh quan thiên nhiên, đa dạng sinh học, ảnh hưởng di sản văn hóa; dự án di dân tái định cư hoặc các dự án có quy mô phát thải lớn thuộc loại hình gây ô nhiễm môi trường. Trong quá trình thẩm định ĐTM cũng sẽ kết hợp thẩm định phương án ký quỹ xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản, các dự án chôn lấp chất thải, các dự án phát sinh khối lượng lớn các chất ô nhiễm tồn lưu trong đất để bảo đảm chủ dự án hiểu và chủ động các nguồn lực để thực hiện nghiêm túc việc cải tạo, phục hồi môi trường khi dự án kết thúc. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền không phê duyệt báo cáo ĐTM để làm căn cứ pháp lý giám sát, kiểm tra, thanh tra khi dự án đi vào vận hành hoạt động như trước đây mà chỉ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM, căn cứ trên ý kiến thẩm định báo cáo ĐTM của cơ quan quản lý, chủ dự án sẽ chịu trách nhiệm xem xét, tính toán đầu tư các công trình BVMT, thực hiện kế hoạch ký quỹ xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường... phù hợp theo quy định của pháp luật. Quy định về thẩm quyền thẩm định báo cáo ĐTM cũng được sửa đổi theo hướng không quy định việc thẩm định báo cáo ĐTM cho nhiều Bộ, cơ quan ngang bộ như trước đây để phù hợp với quy định về chức năng, nhiệm vụ và thực tế công tác quản lý của các Bộ, ngành hiện nay.

Các điều chỉnh trên dẫn đến những thay đổi về tên, đối tượng thực hiện, cơ quan thẩm định, thành phần hồ sơ, kết quả thực hiện TTHC... *(Đánh giá chi tiết được thực hiện tại biểu mẫu kèm theo).*

TTHC này quy định tại các Điều 14, 19 và 20 của dự án Luật.

c) TTHC 5: Cấp giấy chứng nhận nhãn sinh thái đối với sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường

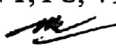
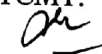
Chứng nhận nhãn sinh thái đối với sản phẩm thân thiện môi trường (chứng nhận Nhãn xanh Việt Nam) là TTHC đã được tổ chức thực hiện từ năm 2014 với cơ quan thực hiện là Bộ Tài nguyên và Môi trường. Với mục tiêu tăng cường phát triển mảng xanh trong quản lý, bảo vệ môi trường và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong hoạt động cấp giấy chứng nhận nhãn sinh thái, dự án Luật đã điều chỉnh, bổ sung một số quy định quan trọng như bổ sung đối tượng được cấp giấy chứng nhận nhãn sinh thái là các dịch vụ thân thiện môi trường, mở rộng sự tham gia chứng nhận của các cơ quan, tổ chức có đủ chức năng, năng lực... Việc gia tăng đối tượng của TTHC này sẽ khuyến khích, thúc đẩy các doanh nghiệp cung ứng các sản phẩm, dịch vụ được tạo ra từ các nguyên liệu, vật liệu thân thiện với môi trường, để đảm bảo an toàn cho môi trường và sức khỏe con người, giảm tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình sử dụng. Đồng thời, với quy định mới, TTHC này cũng sẽ có những thay đổi về đối tượng, cơ quan thực hiện TTHC, trình tự thực hiện TTHC... *(Đánh giá chi tiết được thực hiện tại biểu mẫu kèm theo).*

TTHC này quy định tại Điều 117 dự án Luật.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính trong dự án Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi), Bộ Tài nguyên và Môi trường kính trình Chính phủ xem xét, báo cáo Quốc hội./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Lưu: VT, PC, VP, TCMT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

BIỂU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Tên dự án, dự thảo: Dự án Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi)

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN	
1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý?	a) Nội dung 1: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường - <i>Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý:</i> Việc quy định đơn vị tư vấn thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường cần phải được cơ quan có thẩm quyền xem xét về điều kiện năng lực chuyên môn để thực hiện công tác thẩm tra giúp cho cơ quan quản lý Nhà nước trong nhận diện, đánh giá và dự báo các tác động môi trường của dự án đầu tư. Quy định này giúp cho cơ quan quản lý Nhà nước giảm áp lực về việc tìm kiếm chuyên gia để tham gia và công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Quy định này cũng giúp cho cơ quan quản lý Nhà nước kiểm soát được hoạt động ngành nghề chuyên môn của tổ chức tư vấn đúng theo quy định của luật pháp. - <i>Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản quy định (nếu nội dung này đã được quy định/ban hành):</i> Điều 18 dự án Luật sửa đổi b) Nội dung 2: Cấp giấy phép môi trường - <i>Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý:</i> Theo quy định, cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm, thực hiện thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường. Hiện nay, theo quy định pháp luật hiện hành của Luật BVMT 2014 và một số luật liên quan như Luật tài nguyên nước 2012, Luật Thủy lợi 2017, sau giai đoạn ĐTM, phê duyệt dự án, trước khi dự án chính thức đi vào vận hành hoạt động, Chủ dự án phải tiến hành rất nhiều thủ tục hành chính liên quan bao gồm: giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, giấy phép xả thải vào nguồn nước; giấy phép xả khí thải; giấy chứng nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu; giấy phép xử lý chất thải nguy hại; sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; phương án bảo vệ môi trường; kế hoạch quản lý môi trường... Tuy nhiên, thực tế cho thấy nhiều dự án đã đi vào hoạt động nhưng chưa được xác nhận hoàn

	thành công trình BVMT, chưa được cấp phép xả thải hoặc chưa hoàn thiện đầy đủ hồ sơ, thủ tục pháp lý về BVMT¹. Bên cạnh đó, việc cùng lúc tồn tại nhiều văn bản có tính pháp lý sau ĐTM, quy định trong những thời điểm khác nhau và nội dung quy định đôi khi không thống nhất gây khó khăn, lúng túng đối với cơ quan quản lý trong công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật về BVMT của các tổ chức, cá nhân. Việc coi quyết định phê duyệt và báo cáo ĐTM là "công cụ vạn năng", là căn cứ để cơ quan quản lý giám sát, kiểm tra, thanh tra cơ sở trong giai đoạn vận hành hoạt động như thực tế diễn ra trong thời gian qua cũng là không hợp lý do trong giai đoạn vận hành, các vấn đề môi trường của cơ sở hoàn toàn có thể có khác biệt so với dự báo trong báo cáo ĐTM. Tại các nước tiên tiến trên thế giới, cơ quan quản lý không sử dụng báo cáo ĐTM làm công cụ quản lý đối với các cơ sở đang hoạt động, mà hầu hết sử dụng các loại giấy phép môi trường (kết hợp với kế hoạch quản lý môi trường của chủ dự án) để quản lý, kiểm soát hoạt động của cơ sở trong giai đoạn vận hành hoạt động. Với quan điểm, chủ trương giảm thiểu gánh nặng TTHC, tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho các dự án nhưng vẫn bảo đảm quản lý chặt chẽ, hiệu quả bảo vệ môi trường khi dự án đi vào hoạt động, đồng thời hài hoà với thông lệ, kinh nghiệm quốc tế, cần thiết phải có một công cụ quản lý thống nhất, có tính pháp lý cao, cụ thể là Giấy phép môi trường để giám sát, kiểm tra, thanh tra dự án trong giai đoạn vận hành hoạt động. Các quy định về Giấy phép môi trường sẽ thay thế toàn bộ các quy định về giấy phép, thủ tục về môi trường đối với dự án trong giai đoạn hoạt động đang được quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, các Luật khác có liên quan và văn bản hướng dẫn thi hành. - <i>Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản quy định (nếu nội dung này đã được quy định/ ban hành):</i> Điều 14, 23 dự án Luật.
2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?	a) Nội dung 1: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường - <i>Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định:</i> Hiện nay, chất lượng báo cáo đánh giá tác động môi trường ở nhiều nơi vẫn chưa đảm bảo chất lượng theo quy định. Với mục tiêu đề: (i) nâng cao chất lượng báo cáo ĐTM, cơ quan tư vấn lập báo cáo ĐTM và chủ dự án biết trách nhiệm phải thực hiện công tác BVMT ngay từ khi lập dự án; (ii) tăng cường tính phản biện độc lập của tổ chức thẩm tra có đủ điều kiện để tư vấn cho chủ dự án lựa chọn các giải pháp BVMT phù hợp, hiệu quả; (iii) làm căn cứ và tư vấn thêm cho cơ quan có thẩm

¹ Báo cáo kết quả giám sát việc ban hành và thực hiện chính sách, pháp luật về BVMT đối với KCN, KCX và cơ sở sản xuất có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao của UB KHCNMT ngày 17/9/2019.

	quyền khi xem xét thẩm định báo cáo ĐTM để lựa chọn được các giải pháp bảo vệ môi trường phù hợp, đáp ứng yêu cầu BVMT, tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, đồng thời nâng cao chất lượng của công tác thẩm định báo cáo ĐTM, đặc biệt là các lĩnh vực đặc thù. - <i>Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản quy định (nếu nội dung này đã được quy định/ ban hành):</i> Điều 18 dự án Luật. b) Nội dung 2: Cấp giấy phép môi trường - <i>Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định:</i> Theo quy định của pháp luật, tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định trước khi dự án đi vào vận hành hoạt động. Tuy nhiên, việc cùng lúc tồn tại nhiều loại thủ tục hành chính, nhiều văn bản pháp lý có tính chất "giấy phép" theo các quy định pháp luật hiện hành, cùng do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nhưng đôi khi các quy định trong những thời điểm khác nhau không thống nhất như đã nêu trên đang gây tốn kém, mất thời gian, gây khó khăn, vướng mắc, tạo ra gánh nặng về thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân khi thực thi pháp luật. Hiện nay, Đảng và Chính phủ quán triệt chủ trương cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, theo đó, yêu cầu thực hiện cắt giảm, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, cắt giảm chi phí, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp. - <i>Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản quy định (nếu nội dung này đã được quy định/ ban hành):</i> Điều 14, 23 dự án Luật/
3. Những biện pháp có thể sử dụng để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước; bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức nêu trên?	a) Đối với Nội dung 1 tại Mục [I.1] - Quy định TTHC: ☒ + Tên TTHC 1: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường (Tổ chức xin cấp giấy chứng nhận nộp hồ sơ lên cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền sẽ tổ chức xem xét, đánh giá hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ thẩm tra báo cáo ĐTM) i) TTHC được: Quy định mới ☒ Sửa đổi, bổ sung ☐ Thay thế TTHC khác ☐ (ii) Có thể quy định hình thức đơn giản hơn đối với TTHC này không? Có ☐ Không ☒ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: TTHC này đã đơn giản, giảm thiểu tối đa thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện có thể tham gia nhưng vẫn đảm bảo quản lý nhà nước chặt chẽ về BVMT. - Sử dụng các biện pháp khác không phải bằng quy định TTHC : ☐

	+ Biện pháp 1: + Biện pháp n: b) Đối với Nội dung 2 tại Mục [I.1] - Quy định TTHC: ☒ + Tên TTHC 2: Cấp giấy phép môi trường (Tuỳ thuộc vào từng đối tượng khác nhau, chủ dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường về cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (bao gồm Bộ TNMT, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện) để cơ quan quản lý thẩm định, cấp Giấy phép môi trường theo quy định.) i) TTHC được: Quy định mới ☒ Sửa đổi, bổ sung ☐ Thay thế TTHC khác ☒ (ii) Có thể quy định hình thức đơn giản hơn đối với TTHC này không? Có ☐ Không ☒ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: TTHC được xem xét quy định để bảo đảm tích hợp được các TTHC hiện hành, đơn giản hoá tối đa TTHC mới, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân nhưng vẫn bảo đảm quản lý nhà nước chặt chẽ về bảo vệ môi trường. - Sử dụng các biện pháp khác không phải bằng quy định TTHC : ☐ + Biện pháp 1: + Biện pháp n:
4. Lý do lựa chọn biện pháp quy định TTHC	a) Đối với Nội dung 1 tại Mục [I.1]: -TTHC 1 : Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường + Lý do (nếu được sửa đổi, bổ sung, thay thế TTHC khác đề nghị nêu rõ ưu điểm so với TTHC hiện hành): Làm tăng cường tính phản biện độc lập, khách quan của tổ chức thẩm tra có đủ điều kiện để tư vấn cho chủ dự án lựa chọn các giải pháp BVMT phù hợp, hiệu quả; TTHC này cũng làm nâng cao chất lượng của cơ quan tư vấn lập báo cáo ĐTM so với hiện tại. + Lý do không lựa chọn biện pháp khác: Đây là biện pháp tối ưu để nâng cao tính độc lập, khách quan của tổ chức tư vấn dịch vụ lập báo cáo ĐTM, nâng cao tính pháp lý của tổ chức được cấp giấy chứng nhận về BVMT. Do vậy không lựa chọn biện pháp nào khác với biện pháp này. b) Đối với Nội dung 2 tại Mục [I.1]:

	-TTHC 2 : Cấp giấy phép môi trường + Lý do (nếu được sửa đổi, bổ sung, thay thế TTHC khác đề nghị nêu rõ ưu điểm so với TTHC hiện hành): Với TTHC Kiểm tra, cấp giấy phép môi trường, tùy thuộc vào loại hình dự án, trung bình mỗi dự án sẽ giảm thiểu được 3-4 TTHC so với quy định hiện nay. Đồng thời, việc tích hợp trong 1 TTHC, do 1 cơ quan có thẩm quyền quy định, sẽ bảo đảm sự thống nhất trong các quy định, loại bỏ được những vướng mắc phát sinh do việc quy định không thống nhất giữa các loại giấy phép, giấy xác nhận... như hiện nay. + Lý do không lựa chọn biện pháp khác: Giấy phép môi trường sẽ là văn bản cho phép của cơ quan quản lý nhà nước để dự án được phép xây dựng, hoạt động với các điều kiện bảo vệ môi trường cụ thể. Để bảo đảm sự công bằng, rõ ràng, tính đồng bộ, thống nhất đối với các nhóm đối tượng; bảo đảm tính pháp lý cao, làm rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân cũng như cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thực hiện; loại trừ những rủi ro, tiêu cực, những nhiễu có thể phát sinh trong quá trình quản lý, giải quyết, việc cấp giấy phép môi trường phải được quy định bằng biện pháp quy định thủ tục hành chính, không thể lựa chọn bằng biện pháp khác.
II. ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA TỪNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Tên thủ tục hành chính	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:
b) Có chính xác và thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính này không?	Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:
2. Trình tự thực hiện	

a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Sẽ quy định cụ thể tại nghị định hướng dẫn thi hành
b) Có được quy định hợp lý giữa các bước thực hiện để tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Sẽ quy định cụ thể tại nghị định hướng dẫn thi hành
c) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Sẽ quy định cụ thể tại nghị định hướng dẫn thi hành
d) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Thủ tục cấp giấy chứng nhận này không liên quan đến các THHC khác.
e) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☐ Không ☒ Nếu CÓ, nêu rõ: - Lý do quy định: - Căn cứ quy định: + Được quy định mới tại dự án, dự thảo ☐ + Đã được quy định tại văn bản khác ☐ Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☐ Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp ☒ Bưu điện ☒ Mạng ☒	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Hiện trong dự thảo luật chưa quy định rõ cách thức nộp hồ sơ và nhận kết

b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☒ Bưu điện ☒ Mạng ☒		quả đối với Thủ tục hành chính này nhưng hiện nay nhiều cơ quan QLNN đã áp dụng cả 3 hình thức thực hiện.. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: :
4. Hồ sơ		
a) Tên thành phần hồ sơ 1:	- Nêu rõ lý do quy định: - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:	
b) Tên thành phần hồ sơ 2:	- Nêu rõ lý do quy định: - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:	
c) Các thành phần hồ sơ khác:	- Nêu rõ lý do quy định: - Yêu cầu, quy cách: Lý do quy định:	
Các thành phần hồ sơ nêu trên có bao gồm đầy đủ các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC không?	Có ☐ Không ☒ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: Sẽ quy định cụ thể trong nghị định hướng dẫn thi hành	
Số lượng bộ hồ sơ:	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):	
5. Thời hạn giải quyết		
	- Có được quy định rõ ràng và cụ thể không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Sẽ quy định cụ thể trong nghị định hướng dẫn thi hành -Thời hạn : (Nêu rõ từng thời hạn nếu TTHC do nhiều cơ quan, nhiều cấp có thẩm quyền giải	

	quyết): Nêu rõ lý do:
6. Cơ quan thực hiện	
	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Điều 18 đã quy định rõ thẩm quyền cấp giấy chứng nhận là Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Có được quy định áp dụng tối đa các giải pháp phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan hành chính cấp dưới hoặc địa phương giải quyết không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Đã phân cấp thẩm quyền cấp giấy phép cho địa phương là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
7. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện: - Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ Mô tả rõ: - Cá nhân: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ Mô tả rõ: b) Phạm vi áp dụng: - Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ Biên giới, hải đảo ☐ c) Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 100 đối tượng/năm.	- Lý do quy định: + Về đối tượng: Việc quy định đối tượng là các tổ chức trong và ngoài nước nhằm để đảm bảo việc thực hiện đúng theo văn bản quy định của pháp luật hiện hành; tránh phân biệt đối xử. + Về phạm vi: Quy định áp dụng trên toàn quốc, không phân biệt vùng, miền, khu vực địa lý để đảm bảo thống nhất trong quản lý và công bằng đối với mọi tổ chức trên toàn quốc. - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng, phạm vi để tăng số đối tượng thực hiện được hưởng lợi không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Các đối tượng phải bảo đảm đáp ứng đủ, đúng yêu cầu điều kiện, năng lực để bảo đảm chất lượng trong công tác đánh giá, kiểm tra báo cáo ĐMT.
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí không?	- Mức phí, lệ phí: + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí):

- Phí: Không ☐ Có ☐ Nếu CÓ, nêu rõ lý do: - Lệ phí: Không ☐ Có ☐ Nếu CÓ, nêu rõ lý do:	 + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức phí, lệ phí có phù hợp không: Có ☐ Không ☐ Lý do: Chưa quy định rõ tại văn bản luật này - Mức phí, lệ phí được quy định tại: + Dự án, dự thảo ☐ + Văn bản khác ☐ (i) Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: (ii) Nếu chưa ban hành, nêu rõ lý do: Sẽ quy định chi tiết tại văn bản dưới luật sau khi dự án Luật được thông qua
b) Ngoài phí, lệ phí cá nhân, tổ chức có các chi trả nào khác? Không ☐ Có ☐ Nếu CÓ, nội dung này được quy định tại: - Dự thảo ☐ - Văn bản khác ☐ Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng:	- Nội dung chi trả: Lý do chi trả: - Mức chi trả: Mức chi trả này có phù hợp không: Có ☐ Không ☐ Lý do: Chưa nêu rõ tại văn bản luật này
c) Dự kiến chi phí tuân thủ TTHC: 159.360.000 đồng	Mức chi phí này có phù hợp không: Có ☒ Không ☐ Lý do: Phù hợp với nội dung TTHC và đối tượng thực hiện.
9. Mẫu đơn, tờ khai	
TTHC có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☐ Không ☐

	- Nếu CÓ, quy định về: Mẫu đơn ☐ Tờ khai ☐ - Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:
a) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☐ Nếu CÓ, nêu rõ: - Lý do: - Có quy định rõ cơ quan nhà nước hay người có thẩm quyền và nội dung xác nhận không? Có ☐ Không ☐ Nêu rõ lý do:	Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: - Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: - Nội dung thông tin: Lý do quy định:
b) Tên mẫu đơn, tờ khai n: <i>(trình bày như trên, nếu có)</i>	
10. Yêu cầu, điều kiện	
TTHC này có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Không ☐ Có ☒
Yêu cầu, điều kiện 1: Được thành lập theo quy định của pháp luật; có đăng ký kinh doanh ngành nghề phù hợp theo quy định của pháp luật Lý do quy định: Nhằm đảm bảo điều kiện cơ bản của tổ chức xin cấp giấy chứng nhận có đủ tư cách pháp nhân, hoạt động hợp pháp theo luật và có đăng ký ngành nghề kinh doanh phù hợp với việc xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường..	- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một TTHC khác ☒ + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước ☐ - Những ảnh hưởng khi thực hiện yêu cầu, điều kiện: + Tăng chi phí (thời gian, nhân lực, tài chính) ☐ Nêu rõ:..... + Phân biệt đối tượng giữa các vùng, miền, khu vực, trong nước, quốc tế ☐ Nêu rõ:.....

	+ Hạn chế một số đối tượng ☒ Nêu rõ: Các tổ chức xin cấp giấy chứng nhận có đủ tư cách pháp nhân nhưng không có đăng ký ngành nghề kinh doanh phù hợp với việc xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường. + Khác ☐ Nêu rõ: - Yêu cầu, điều kiện được quy định tại: + Dự án, dự thảo ☒ + Văn bản QPPL khác ☐ Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: Tại khoản 2 của Điều 18 Dự án Luật
b) Yêu cầu, điều kiện 2: Có đủ cán bộ hoặc đội ngũ chuyên gia khoa học, kỹ thuật cộng tác được đào tạo chuyên ngành về môi trường và các chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhiệm do các cơ sở đào tạo hợp pháp cấp; Lý do quy định: Để đảm bảo tổ chức có nguồn nhân lực có trình độ, năng lực chuyên môn có chất lượng để thực hiện công việc.	- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một TTHC khác ☐ + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước ☒ - Những ảnh hưởng khi thực hiện yêu cầu, điều kiện: + Tăng chi phí (thời gian, nhân lực, tài chính) ☐ Nêu rõ:..... + Phân biệt đối tượng giữa các vùng, miền, khu vực, trong nước, quốc tế ☐ Nêu rõ:..... + Hạn chế một số đối tượng ☒ Nêu rõ: Tổ chức thiếu đội ngũ cán bộ có chuyên môn được đào tạo hợp pháp, phù hợp sẽ không đủ điều kiện tham gia xin cấp giấy chứng nhận này. + Khác ☐

	Nêu rõ: - Yêu cầu, điều kiện được quy định tại: + Dự án, dự thảo ☒ + Văn bản QPPL khác ☐ Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: Tại khoản 3, mục b Điều 19 Dự án Luật.
c) Yêu cầu, điều kiện 3: Có kinh nghiệm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường được cơ quan có thẩm quyền thẩm định đối với dự án tương tự với dự án cần thẩm tra; Lý do quy định: Để đảm bảo tổ chức có đủ kinh nghiệm trong lĩnh vực dịch vụ đăng ký	- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một TTHC khác ☐ + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước ☒ - Những ảnh hưởng khi thực hiện yêu cầu, điều kiện: + Tăng chi phí (thời gian, nhân lực, tài chính) ☐ Nêu rõ:..... + Phân biệt đối tượng giữa các vùng, miền, khu vực, trong nước, quốc tế ☐ Nêu rõ:..... + Hạn chế một số đối tượng ☐ Nêu rõ: + Khác ☐ Nêu rõ: - Yêu cầu, điều kiện được quy định tại: + Dự án, dự thảo ☒ + Văn bản QPPL khác ☐ Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: Tại khoản 2, Điều 18 Dự án Luật.

11. Kết quả	
- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☒ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☐ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☐ - Loại khác: ☐	- Có quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực: Có ☐ Không ☒ + Nếu CÓ, nêu thời hạn cụ thể:..... tháng/ năm. + Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: Sẽ được quy định cụ thể trong nghị định hướng dẫn thi hành - Phạm vi có giá trị hiệu lực: Toàn quốc ☒ Địa phương ☐ Lý do: TTHC này được thực hiện trên toàn quốc - Có thể kéo dài thời hạn/ thay đổi phạm vi giá trị hiệu lực: Có ☐ Không ☐ Lý do: - Có quy định điều kiện có hiệu lực của kết quả: Có ☒ Không ☐ Lý do: Tại khoản 2 Điều 18 Dự án Luật có quy định rõ: kể Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024, tổ chức tham gia thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường quy định tại khoản này phải được cơ quan nhà nước về bảo vệ môi trường có thẩm quyền cấp. - Mẫu kết quả TTHC có phù hợp về nội dung, hình thức: Có ☐ Không ☐ Lý do:
12. Quy định về từng bộ phận cấu thành của TTHC có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?	
a) Với văn bản của cơ quan cấp trên	- Có ☐ Không ☒ - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận cấu thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
b) Với văn bản của cơ quan	Có ☐ Không ☒

khác	- Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận cấu thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
c) Với Điều ước quốc tế mà Việt Nam gia nhập, ký kết	Có ☐ Không ☒ - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận cấu thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
III. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Vụ Chính sách, Pháp chế và Thanh tra, Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường Điện thoại cố định: 0243.8223221; Di động:; E-mail: pcvepa@gmail.com	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 2: Cấp giấy phép môi trường

1. Tên thủ tục hành chính	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:
b) Có chính xác và thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính này không?	Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:

2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Sẽ quy định trong văn bản dưới Luật.
b) Có được quy định hợp lý giữa các bước thực hiện để tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện?	Có ☐ Không ☐ Nêu rõ lý do: Sẽ quy định trong văn bản dưới Luật.
c) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☐ Không ☐ Nêu rõ lý do: Hiện quy định trong dự án Luật chỉ mang tính nguyên tắc, trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục sẽ được quy định rõ ràng, cụ thể trong văn bản dưới Luật.
d) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Thủ tục cấp giấy phép môi trường được quy định trên cơ sở tích hợp nhiều TTHC trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và một số lĩnh vực liên quan để bảo đảm tính thuận lợi, đồng bộ, thống nhất trong quá trình thực hiện quy định pháp luật về môi trường. Trong thời điểm thực hiện TTHC này không có TTHC khác liên quan cùng thực hiện, do đó không áp dụng cơ chế liên thông.
e) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☒ Không ☐ Nếu CÓ, nêu rõ: - Lý do quy định: Việc cấp giấy phép môi trường ngoài căn cứ vào các thông tin chủ dự án nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép, còn phải căn cứ vào thực tế hiện trạng, sức chịu tải môi trường. Do đó, đối với các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát sinh chất thải, việc kiểm tra đánh giá hiện trạng môi trường khu vực tiếp nhận chất thải, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước là cần thiết. - Căn cứ quy định:

	+ Được quy định mới tại dự án, dự thảo ☒ + Đã được quy định tại văn bản khác ☐ Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: quy định tại khoản 11 Điều 23 Dự án Luật. - Các biện pháp có thể thay thế: ☐ Có ☐ Không ☐ Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp ☐ Bưu điện ☐ Mạng ☐ b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☐ Bưu điện ☐ Mạng ☐	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? ☐ Có ☐ Không ☐ Nêu rõ lý do: Sẽ quy định cụ thể trong văn bản dưới luật. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? ☒ Có ☐ Không ☐ Nêu rõ lý do: Dự kiến quy định cả 3 hình thức để tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện.
4. Hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường	- Nêu rõ lý do quy định: Để xác định các nội dung chính Chủ dự án đề nghị cấp giấy phép môi trường - Yêu cầu, quy cách: Sẽ được Chính phủ quy định cụ thể trong văn bản hướng dẫn luật. Lý do quy định: Để bảo đảm Chủ dự án đã nghiêm túc thực hiện các yêu cầu theo quy định pháp luật về môi trường và bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa các nội dung quy định khi xem xét, quyết định cấp giấy phép về môi trường.
b) Tên thành phần hồ sơ 2: Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.	- Nêu rõ lý do quy định: Để cung cấp rõ ràng, đầy đủ thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thẩm định, xem xét cấp giấy phép. - Yêu cầu, quy cách:

	<i>Khoản 4, 5, 6 Điều 23 quy định nội dung chính của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường theo đối tượng thực hiện, cụ thể</i> <i>4. Căn cứ quy mô xả thải, tính chất ô nhiễm của nguồn thải và loại hình dự án đầu tư, báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đối với trường hợp phải thực hiện cả ĐTM và GPMT gồm một số hoặc tất cả các nội dung chính sau:</i> <i>a) Chủ dự án, tên, địa điểm thực hiện dự án;</i> <i>b) Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án hoặc các hồ sơ về môi trường tương đương;</i> <i>c) Thông tin chung về quá trình thực hiện dự án;</i> <i>d) Kết quả đánh giá tác động của chất thải phát sinh từ cơ sở xả thải đến môi trường xung quanh;</i> <i>đ) Kế hoạch giám sát, bảo trì, quản lý cơ sở xả thải và công trình xử lý chất thải;</i> <i>e) Kế hoạch và các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;</i> <i>g) Kế hoạch xử lý chất thải rắn;</i> <i>h) Kết quả hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường;</i> <i>i) Kế hoạch, thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm;</i> <i>k) Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý chất thải;</i> <i>l) Các nội dung về bảo vệ môi trường khác.</i> <i>5. Căn cứ quy mô xả thải, tính chất ô nhiễm của nguồn thải và loại hình dự án đầu tư, báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đối với trường hợp chỉ phải có GPMT gồm một số hoặc tất cả các nội dung chính sau:</i> <i>a) Thông tin chung về dự án, chủ dự án;</i> <i>b) Đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất, công nghệ xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác;</i> <i>c) Đánh giá hiện trạng môi trường nơi thực hiện dự án;</i> <i>d) Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn thải, tiếng ồn, độ rung;</i>
--	--

	<i>đ) Đánh giá, dự báo tác động của dự án tới đa dạng sinh học, dòng chảy, sạt lở, bồi lắng, xâm nhập mặn và xã hội (nếu có);</i> <i>e) Đề xuất kế hoạch, các biện pháp xử lý chất thải kèm theo thuyết minh và phương án thiết kế xây dựng của công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường (nếu có);</i> <i>g) Kết quả tham vấn cộng đồng (nếu có);</i> <i>h) Kế hoạch xây dựng, lắp đặt, vận hành cơ sở xử thải và công trình xử lý chất thải; kế hoạch giám sát, bảo trì, quản lý cơ sở xử thải và công trình xử lý chất thải;</i> <i>i) Chương trình quản lý và quan trắc môi trường;</i> <i>k) Dự toán kinh phí xây dựng công trình bảo vệ môi trường và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường;</i> <i>l) Các nội dung về bảo vệ môi trường khác;</i> <i>m) Các nội dung đặc thù khác:</i> <i>- Đối với dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng, trong báo cáo đề xuất phải có thêm một phần đánh giá về tình hình hoạt động và thực hiện công tác bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở đã đầu tư xây dựng; đánh giá tổng hợp, tích hợp tác động môi trường của toàn bộ dự án cũ và mới;</i> <i>- Đối với dự án khai thác khoáng sản, trong báo cáo đề xuất phải có phương án cải tạo, phục hồi môi trường;</i> <i>- Đối với dự án khai thác cát, sỏi và khoáng sản khác trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa và vùng cửa sông, ven biển phải có nội dung đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, dòng chảy theo quy định.</i> <i>6. Căn cứ quy mô xả thải, tính chất ô nhiễm của nguồn thải và loại hình dự án đầu tư, báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đối với trường hợp dự án đầu tư đang triển khai xây dựng (bao gồm cả trường hợp đang vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải), cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đã đi vào vận hành thương mại có phát sinh chất thải gồm một số hoặc tất cả các nội dung chính sau:</i> <i>a) Chủ dự án, tên, địa điểm thực hiện, các hồ sơ về môi trường liên quan;</i>
--	---

	<i>b) Thông tin chung về quá trình triển khai thực hiện dự án hoặc hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;</i> <i>c) Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường;</i> <i>d) Kế hoạch hoặc kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải hoặc kết quả quan trắc môi trường trong hai năm gần nhất;</i> <i>đ) Kết quả kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm (nếu có) về môi trường của cơ quan có thẩm quyền gần nhất;</i> <i>e) Các nội dung về bảo vệ môi trường khác.</i> Lý do quy định: Để bảo đảm có đầy đủ các thông tin, số liệu phục vụ thẩm định, xem xét cấp GPMT; đồng thời quy định để thống nhất trên toàn quốc về thành phần hồ sơ, nội dung chính của báo cáo, tránh phát sinh các yêu cầu khác không cần thiết gây tốn kém cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp GPMT.
c) Tên thành phần hồ sơ 3: Tài liệu pháp lý và kỹ thuật khác của dự án, cơ sở.	- Nêu rõ lý do quy định: Để cung cấp rõ ràng, đầy đủ thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thẩm định, xem xét cấp giấy phép. - Yêu cầu, quy cách: Sẽ được Chính phủ quy định cụ thể trong văn bản hướng dẫn luật. Lý do quy định:
Các thành phần hồ sơ nêu trên có bao gồm đầy đủ các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC không?	Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:
Số lượng bộ hồ sơ: Chưa quy định	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):
5. Thời hạn giải quyết	
	- Có được quy định rõ ràng và cụ thể không? Có ☒ Không ☐

	Nêu rõ lý do: Khoản 7 Điều 23 dự án Luật quy định: a) Thời hạn kiểm tra, đánh giá, cấp GPMT đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường không quá 45 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian chủ dự án, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định; b) Thời hạn kiểm tra, đánh giá, cấp GPMT đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian chủ dự án, cơ sở bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định; c) Thời hạn kiểm tra, đánh giá, cấp GPMT đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian chủ dự án, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định; d) Thời hạn kiểm tra, đánh giá, cấp GPMT đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp huyện không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian chủ dự án, cơ sở bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. (Nêu rõ từng thời hạn nếu TTHC do nhiều cơ quan, nhiều cấp có thẩm quyền giải quyết) Nêu rõ lý do:
6. Cơ quan thực hiện	
	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ thẩm quyền cấp giấy phép môi trường tại khoản 7 Điều 23 của Dự thảo như sau: a) Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép môi trường đối với đối tượng đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và các hồ sơ về môi trường tương đương và các dự án, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đáp ứng một trong hai tiêu chí có tổng quy mô xả nước thải từ 3.000 m³/ngày (24 giờ) trở lên hoặc có tổng lưu lượng xả khí thải từ 100.000 m³ khí thải/giờ trở lên, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này và trường hợp đã được các bộ, cơ quan ngang bộ khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan liên quan thẩm định các hồ sơ về

	<i>môi trường tương đương.</i> <i>b) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cấp giấy phép môi trường đối với dự án, cơ sở thuộc lĩnh vực bí mật quốc phòng, an ninh.</i> <i>c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép môi trường trên địa bàn, trừ trường hợp quy định tại các điểm a, b và d khoản này.</i> <i>d) Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép môi trường trên địa bàn đối với dự án, cơ sở đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận các hồ sơ về môi trường trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành và các dự án, cơ sở khác khi đáp ứng cả ba tiêu chí có tổng quy mô xả nước thải dưới 50m³/ngày (24 giờ) hoặc có tổng lưu lượng xả khí thải dưới 20.000 m³ khí thải/giờ hoặc có tổng khối lượng chất thải rắn dưới 01 tấn/ngày (24 giờ), trừ trường hợp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác thẩm định các hồ sơ về môi trường.</i> - Có được quy định áp dụng tối đa các giải pháp phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan hành chính cấp dưới hoặc địa phương giải quyết không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: TTHC cấp GPMT được phân cấp cho cả UBND cấp tỉnh và UBND cấp huyện phụ thuộc vào vị trí thực hiện, quy mô dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.
7. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện: - Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ Mô tả rõ: - Cá nhân: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ Mô tả rõ: <i>Khoản 1 Điều 23 của Dự thảo quy định các đối tượng phải thực hiện TTHC cấp GPMT gồm:</i> <i>- Dự án đầu tư có phát sinh chất thải khi đi vào vận hành thương mại phải xử lý để bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc quản lý chất thải theo quy định.</i>	- Lý do quy định: + Về đối tượng: quy định áp dụng cho mọi tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để đảm bảo việc thực hiện thống nhất, không phân biệt đối xử, nâng cao trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức trong việc bảo vệ môi trường. + Về phạm vi: quy định áp dụng chung trên toàn quốc, không phân biệt vùng, miền, nông thôn, đô thị để bảo đảm sự thống nhất, công bằng và đạt hiệu quả cao nhất trong bảo vệ môi trường. - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng, phạm vi để tăng số đối tượng thực hiện được hưởng lợi không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Với tình hình ô nhiễm hiện nay, việc kiểm soát, quản lý chặt chẽ

- Dự án đầu tư đang triển khai xây dựng (bao gồm cả trường hợp đang vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải), cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đã đi vào vận hành thương mại có phát sinh chất thải phải xử lý để bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc phải quản lý chất thải theo quy định của pháp luật trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành. (Trừ trường hợp dự án để ứng phó trong tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh, thảm họa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô nhỏ, ít ảnh hưởng đến môi trường trong giai đoạn thực hiện dự án và không phát sinh chất thải hoặc chỉ phát sinh chất thải thông thường với khối lượng nhỏ được xử lý bằng các công trình, thiết bị xử lý tại chỗ đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc phát sinh chất thải sinh hoạt được quản lý theo quy định của địa phương; cơ quan, trụ sở làm việc, trường học và công trình công cộng khác) b) Phạm vi áp dụng: - Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ Biên giới, hải đảo ☐ c) Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 200 tổ chức hoặc cá nhân/năm.	các nguồn thải, bảo đảm các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải đáp ứng các quy định, yêu cầu BVMT trong hoạt động phát thải là cần thiết. Đối tượng phải thực hiện TTHC cấp GPMT đã được xem xét quy định phù hợp với yêu cầu quản lý BVMT để nhằm bảo vệ chất lượng môi trường sống.
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí không?	- Mức phí, lệ phí: + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí):

- Phí: Không ☐ Có ☐ Nếu CÓ, nêu rõ lý do: - Lệ phí: Không ☐ Có ☐ Nếu CÓ, nêu rõ lý do:	 + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức phí, lệ phí có phù hợp không: Có ☐ Không ☐ Lý do: - Mức phí, lệ phí được quy định tại: + Dự án, dự thảo ☐ + Văn bản khác ☐ (i) Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: (ii) Nếu chưa ban hành, nêu rõ lý do:
b) Ngoài phí, lệ phí cá nhân, tổ chức có các chi trả nào khác? Không ☐ Có ☐ Nếu CÓ, nội dung này được quy định tại: - Dự thảo ☐ - Văn bản khác ☐ Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: 	- Nội dung chi trả: Lý do chi trả: - Mức chi trả: Mức chi trả này có phù hợp không: Có ☐ Không ☐ Lý do:
c) Dự kiến chi phí tuân thủ TTHC: 9.687.537.500 đồng (chưa tính phí, lệ phí quy định đối với TTHC)	Mức chi phí này có phù hợp không: Có ☒ Không ☐ Lý do: Phù hợp với nội dung TTHC và số lượng đối tượng thực hiện.
9. Mẫu đơn, tờ khai	

TTHC có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?		Có ☒ Không ☐ - Nếu CÓ, quy định về: Mẫu đơn ☒ Tờ khai ☐ Dự kiến sẽ quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn của Chính phủ. - Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:
a) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☒ Nếu CÓ, nêu rõ: - Lý do: - Có quy định rõ cơ quan nhà nước hay người có thẩm quyền và nội dung xác nhận không? Có ☐ Không ☐ Nêu rõ lý do:	Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: - Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: - Nội dung thông tin: Lý do quy định:	
b) Tên mẫu đơn, tờ khai n: <i>(trình bày như trên, nếu có)</i>		
10. Yêu cầu, điều kiện		
TTHC này có quy định yêu cầu, điều kiện không?		Không ☐ Có ☒
a) Yêu cầu, điều kiện 1: Thời điểm cấp GPMT: a) Đối tượng phải thực hiện ĐTM và có GPMT phải có GPMT trước khi vận hành thử nghiệm công trình, thiết bị xử lý chất thải của dự án;	- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một TTHC khác ☐ + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước ☐ - Những ảnh hưởng khi thực hiện yêu cầu, điều kiện:	

b) Đối tượng chỉ cần GPMT (không phải thực hiện ĐTM) phải có giấy phép môi trường trước khi đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thẩm định thiết kế cơ sở (đối với dự án có nhiều bước thiết kế) hoặc thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công (đối với dự án chỉ yêu cầu thiết kế một bước) theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trường hợp dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện thẩm định thiết kế xây dựng, phải có giấy phép môi trường trước khi được cơ quan có thẩm quyền cấp, điều chỉnh giấy phép xây dựng hoặc trước khi xả, thải chất thải ra môi trường; c) Cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đã đi vào vận hành thương mại trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường, giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, giấy phép xử lý chất thải nguy hại, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi hoặc các loại giấy phép, chứng nhận, xác nhận về môi trường tương đương (sau đây gọi chung là giấy phép môi trường) được tiếp tục sử dụng như giấy phép môi trường trong thời hạn của giấy phép đó nếu có thời hạn hoặc trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành nếu	+ Tăng chi phí (thời gian, nhân lực, tài chính) ☐ Nêu rõ:..... + Phân biệt đối tượng giữa các vùng, miền, khu vực, trong nước, quốc tế ☐ Nêu rõ:..... + Hạn chế một số đối tượng ☐ Nêu rõ: + Khác ☐ Nêu rõ: Yêu cầu, điều kiện được quy định tại: + Dự án, dự thảo ☒ + Văn bản QPPL khác ☐ Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: Khoản 8 Điều 23 Dự án Luật.
--	--

không có thời hạn trong các giấy phép đó. Trường hợp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi chưa có nội dung về xả khí thải và quản lý chất thải rắn, chủ cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường bổ sung các nội dung chưa được cấp phép trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành; d) Cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đã đi vào vận hành thương mại trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, có phát sinh chất thải phải xử lý để bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc phải quản lý chất thải theo quy định của pháp luật thì phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành; đ) Đối với dự án đang vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định của pháp luật trước thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành, chủ dự án được lựa chọn tiếp tục vận hành thử nghiệm để được cấp giấy phép môi trường sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải hoặc lập hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này trước khi hết hạn vận hành thử nghiệm. Chủ dự án không phải vận hành thử nghiệm lại công trình xử lý chất thải. Lý do quy định: - Hiện nay, theo quy định của pháp luật về xây dựng, việc xây dựng công trình bao	
--	--

gồm các công trình BVMT có thể được thẩm định trong các bước thẩm định thiết kế, cấp giấy phép xây dựng. Về mặt bản chất, các công trình BVMT phải được sự thẩm định, chấp thuận, cho phép của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Do đó, để tránh rủi ro cho tổ chức, cá nhân trong việc phải điều chỉnh lại nhiều lần đối với các TTHC liên quan đến môi trường, xây dựng, dự án Luật quy định thời điểm phải có giấy phép môi trường đối với dự án vừa phải thực hiện ĐTM và GPMT là trước khi vận hành thử nghiệm công trình; đối với dự án còn lại là trước khi cấp giấy phép xây dựng. - Dự án Luật cũng quy định các trường hợp chuyển tiếp để bảo đảm quyền, lợi ích của các tổ chức, cá nhân đã được cấp các loại giấy phép về môi trường trước khi Luật này có hiệu lực.	
b) Yêu cầu, điều kiện 2: Đối với trường hợp dự án phải thực hiện cả ĐTM và GPMT, hồ sơ đề nghị cấp GPMT phải có: - Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án hoặc các hồ sơ về môi trường tương đương; - Kết quả hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.	- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một TTHC khác ☒ + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước ☒ - Những ảnh hưởng khi thực hiện yêu cầu, điều kiện: + Tăng chi phí (thời gian, nhân lực, tài chính) ☐ Nêu rõ:..... + Phân biệt đối tượng giữa các vùng, miền, khu vực, trong nước, quốc tế ☐ Nêu rõ:..... + Hạn chế một số đối tượng ☒

Lý do quy định: Để bảo đảm sự thống nhất giữa báo cáo ĐTM đã được chấp thuận và các nội dung trong GPMT; đồng thời bảo đảm tổ chức, cá nhân đã thực hiện việc xây dựng, hoàn thành các công trình, biện pháp BVMT như cam kết trong ĐTM.	Nêu rõ: Tránh việc cấp GPMT cho những đối tượng không thực hiện việc xây dựng, hoàn thành công trình, biện pháp BVMT như đã cam kết trong ĐTM. + Khác ☐ Nêu rõ:- Yêu cầu, điều kiện được quy định tại: + Dự án, dự thảo ☐ + Văn bản QPPL khác ☐ Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: Khoản 4 Điều 23 Dự án Luật.
11. Kết quả	
- Giấy phép ☒ - Giấy chứng nhận ☐ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☐ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☐ - Loại khác: ☐ Đề nghị nêu rõ: Giấy phép môi trường	- Có quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực: Có ☒ Không ☒ + Nếu CÓ, nêu thời hạn cụ thể: Khoản 9 Điều 23 Dự án Luật quy định: a) Là 05 năm kể từ ngày cấp đối với trường hợp phải thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và các hồ sơ môi trường tương đương; b) Là 10 năm kể từ ngày cấp đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là 10 năm kể từ ngày cấp, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này + Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: Đối với các trường hợp dự án, cơ sở xả thải chất thải thông thường, quy mô nhỏ GPMT, không gây ô nhiễm môi trường, thủ tục cấp GPMT được quy định theo hướng đơn giản tối đa; đồng thời quy định GPMT cho các trường hợp này không có thời hạn để tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho các tổ chức, cá nhân, tránh phát sinh nhiều TTHC (không phải cấp lại giấy phép mỗi khi hết hạn). - Phạm vi có giá trị hiệu lực: Toàn quốc ☒ Địa phương ☐ Lý do: Vì TTHC này được thực hiện trên toàn quốc.

	- Có thể kéo dài thời hạn/ thay đổi phạm vi giá trị hiệu lực: Có ☒ Không ☐ Lý do: Dự án Luật quy định các trường hợp điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi hoặc cấp lại giấy phép nhằm phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân trong thực tế cũng như bảo đảm sự quản lý chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước trong trường hợp dự án không bảo đảm thực hiện đúng quy định về bảo vệ môi trường đã ghi trong Giấy phép. - Có quy định điều kiện có hiệu lực của kết quả: Có ☐ Không ☒ Lý do: - Mẫu kết quả TTHC có phù hợp về nội dung, hình thức: Có ☐ Không ☐ Lý do: Dự án Luật mới quy định các nội dung chính của Giấy phép, chưa quy định mẫu Giấy phép
12. Quy định về từng bộ phận cấu thành của TTHC có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?	
a) Với văn bản của cơ quan cấp trên	- Có ☐ Không ☒ - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận cấu thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
b) Với văn bản của cơ quan khác	Có ☐ Không ☒ - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận cấu thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
c) Với Điều ước quốc tế mà Việt Nam gia nhập, ký kết	Có ☐ Không ☒ - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận cấu thành:

	+ Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
III. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Vụ Chính sách, Pháp chế và Thanh tra, Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường Điện thoại cố định: 0243.8223221; Di động:; E-mail: pcvepa@gmail.com	

BIỂU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Tên dự án, dự thảo: Dự án Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 3: Thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i>	1 Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014; Dự án Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) (Điều 9, 12)
	2. Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường
	3. Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA TỪNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC QUY ĐỊNH CHI TIẾT <i>(Sử dụng nội dung đánh giá đối với từng bộ phận cấu thành của TTHC tại Phần II Biểu mẫu 01A/ĐG-KSTT)</i>	
1. Tên thủ tục hành chính	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:
b) Có chính xác và thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính này không?	Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:
2. Trình tự thực hiện	

a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Sẽ quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật
b) Có được quy định hợp lý giữa các bước thực hiện để tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Sẽ quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật
c) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Điều 13 đã quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân nắm rõ được trách nhiệm và nhiệm vụ của từng việc, từng khâu thực hiện để đạt kết quả cao.
d) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: TTHC này sẽ thực hiện độc lập với các TTHC khác
e) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☐ Không ☒ Nếu CÓ, nêu rõ: - Lý do quy định: - Căn cứ quy định: + Được quy định mới tại dự án, dự thảo ☐ + Đã được quy định tại văn bản khác ☐ Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☐ Nếu CÓ, nêu rõ lý do:
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp ☒ Bưu điện ☒ Mạng ☒ b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☒ Bưu điện ☒ Mạng ☒	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Hiện trong dự thảo chưa quy định rõ cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả đối với thủ tục hành chính này nhưng hiện nay nhiều cơ quan QLNN đã áp dụng cả 3 hình thức thực hiện. Nêu rõ lý do: Sẽ quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Sẽ quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

4. Hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược	- Nêu rõ lý do quy định: Là cơ sở để cơ quan quản lý NN xem xét, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược nhằm đưa ra các biện pháp bảo vệ môi trường khi các quy hoạch được triển khai. - Yêu cầu, quy cách: Sẽ quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Lý do quy định:
b) Tên thành phần hồ sơ 2: Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược	- Nêu rõ lý do quy định: Là cơ sở để cơ quan quản lý NN xem xét, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược nhằm đưa ra các biện pháp bảo vệ môi trường khi các quy hoạch được triển khai. - Yêu cầu, quy cách: Sẽ quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Lý do quy định:
c) Các thành phần hồ sơ khác: Bản dự thảo quy hoạch.	- Nêu rõ lý do quy định: Là cơ sở để cơ quan quản lý NN xem xét, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược nhằm đưa ra các biện pháp bảo vệ môi trường khi các quy hoạch được triển khai. - Yêu cầu, quy cách: Sẽ quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Lý do quy định:
Các thành phần hồ sơ nêu trên có bao gồm đầy đủ các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC không?	Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:
Số lượng bộ hồ sơ: Sẽ quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật.	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):
5. Thời hạn giải quyết	
	- Có được quy định rõ ràng và cụ thể không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: -Thời hạn : (Nêu rõ từng thời hạn nếu TTHC do nhiều cơ quan, nhiều cấp có thẩm quyền giải quyết): Nêu rõ lý do: Khoản 6, Điều 12 quy định Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá môi

	<i>trường chiến lược là 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</i>
6. Cơ quan thực hiện	
	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Khoản 1, Điều 12 quy định <i>a) Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với quy hoạch, trừ quy định tại điểm b khoản này;</i> <i>b) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với quy hoạch thuộc bí mật quốc phòng, an ninh.</i> - Có được quy định áp dụng tối đa các giải pháp phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan hành chính cấp dưới hoặc địa phương giải quyết không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược đều dành cho các dự án lớn, quan trọng nên nếu phân cấp cho địa phương sẽ không đảm bảo khả năng thẩm định.
7. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện: - Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: - Cá nhân: Trong nước ☐ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: <i>Khoản 1, Điều 9 có nêu:</i> <i>Đối tượng thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược gồm:</i> <i>a) Quy hoạch tổng thể quốc gia; quy hoạch không gian biển quốc gia; quy hoạch sử dụng đất quốc gia; quy hoạch ngành quốc gia, quy</i>	- Lý do quy định: + Về đối tượng: Theo quy định của Luật quy hoạch, đối tượng lập các quy hoạch này là tổ chức trong nước. + Về phạm vi: Quy định áp dụng cho đối tượng quy hoạch, không phân biệt vùng, miền, khu vực địa lý để đảm bảo thống nhất trong quản lý và công bằng đối với mọi tổ chức, cá nhân trên toàn quốc. - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng, phạm vi để tăng số đối tượng thực hiện được hưởng lợi không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Đối tượng thực hiện quy quy định của Luật quy hoạch.

<i>hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có tác động lớn đến môi trường; quy hoạch vùng; quy hoạch tỉnh; quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt;</i> <i>b) Điều chỉnh quy hoạch của đối tượng quy định tại điểm a khoản này mà thay đổi mục tiêu của quy hoạch.</i> b) Phạm vi áp dụng: - Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ Biên giới, hải đảo ☐ c) Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 3 đối tượng/năm.	
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí không? - Phí: Không ☐ Có ☐ Nếu CÓ, nêu rõ lý do: - Lệ phí: Không ☐ Có ☐ Nếu CÓ, nêu rõ lý do: 	- Mức phí, lệ phí: + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức phí, lệ phí có phù hợp không: Có ☐ Không ☐ Lý do: Chưa quy định rõ tại văn bản luật này - Mức phí, lệ phí được quy định tại: + Dự án, dự thảo ☐ + Văn bản khác ☐ (i) Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: (ii) Nếu chưa ban hành, nêu rõ lý do: Sẽ quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật.
b) Ngoài phí, lệ phí cá nhân, tổ chức có các chi trả nào khác? Không ☐ Có ☐	- Nội dung chi trả: Lý do chi trả:

Nếu CÓ, nội dung này được quy định tại: - Dự thảo ☐ - Văn bản khác ☐ Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng:	- Mức chi trả: Mức chi trả này có phù hợp không: Có ☐ Không ☐ Lý do: Chưa nêu rõ tại văn bản luật này
c) Dự kiến chi phí tuân thủ TTHC: 34.119.750 đồng	Mức chi phí này có phù hợp không: Có ☒ Không ☐ Lý do: Phù hợp với nội dung TTHC và đối tượng thực hiện.
9. Mẫu đơn, tờ khai	
TTHC có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☒ Không ☐ - Nếu CÓ, quy định về: Mẫu đơn ☒ Tờ khai ☐ - Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:
a) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☒ Nếu CÓ, nêu rõ: - Lý do: - Có quy định rõ cơ quan nhà nước hay người có thẩm quyền và nội dung xác nhận không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do:	Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: - Nội dung thông tin 1: Thông tin về cơ quan được giao nhiệm vụ Lý do quy định: Là cơ sở để cơ quan quản lý tiến hành thủ tục thẩm định báo cáo. - Nội dung thông tin: Thông tin về hồ sơ phải nộp Lý do quy định: Là cơ sở để cơ quan quản lý tiến hành thủ tục thẩm định báo cáo.
b) Tên mẫu đơn, tờ khai n: (trình bày như trên, nếu có)	

10. Yêu cầu, điều kiện	
TTHC này có quy định yêu cầu, điều kiện không? Không ☒ Có ☐	
a) Yêu cầu, điều kiện 1: Lý do quy định:	- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một TTHC khác ☐ + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước ☐ - Những ảnh hưởng khi thực hiện yêu cầu, điều kiện: + Tăng chi phí (thời gian, nhân lực, tài chính) ☐ Nói rõ:..... + Phân biệt đối tượng giữa các vùng, miền, khu vực, trong nước, quốc tế ☐ Nói rõ:..... + Hạn chế một số đối tượng ☐ Nói rõ: + Khác ☐ Nói rõ: - Yêu cầu, điều kiện được quy định tại: + Dự án, dự thảo ☐ + Văn bản QPPL khác ☐ Nói rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng:
Yêu cầu, điều kiện 2: Lý do quy định:	- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một TTHC khác ☐ + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước ☐ - Những ảnh hưởng khi thực hiện yêu cầu, điều kiện: + Tăng chi phí (thời gian, nhân lực, tài chính) ☐ Nói rõ:

	+ Phân biệt đối tượng giữa các vùng, miền, khu vực, trong nước, quốc tế ☐ Nêu rõ:..... + Hạn chế một số đối tượng ☐ Nêu rõ:..... + Khác ☐ Nêu rõ:..... - Yêu cầu, điều kiện được quy định tại: + Dự án, dự thảo ☐ + Văn bản QPPL khác ☐ Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng:	
11. Kết quả		
- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☐ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☐ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☐ - Loại khác: ☒ Văn bản báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược	- Có quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực: Có ☐ Không ☒ + Nếu CÓ, nêu thời hạn cụ thể:..... tháng/ năm. + Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: Sẽ quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật. - Phạm vi có giá trị hiệu lực: Toàn quốc ☒ Địa phương ☐ Lý do: TTHC này được thực hiện trên toàn quốc - Có thể kéo dài thời hạn/ thay đổi phạm vi giá trị hiệu lực: Có ☐ Không ☒ Lý do: Sẽ quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật. - Có quy định điều kiện có hiệu lực của kết quả: Có ☐ Không ☒ Lý do: Sẽ quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật. - Mẫu kết quả TTHC có phù hợp về nội dung, hình thức: Có ☐ Không ☒ Lý do: Sẽ quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	
12. Quy định về từng bộ phận cấu thành của TTHC có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?		
a) Với văn bản của cơ quan	- Có ☐ Không ☒	

cấp trên	- Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận cấu thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
b) Với văn bản của cơ quan khác	Có ☐ Không ☒ - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận cấu thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
c) Với Điều ước quốc tế mà Việt Nam gia nhập, ký kết	Có ☐ Không ☒ - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận cấu thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
III. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Vụ Chính sách, Pháp chế và Thanh tra, Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường Điện thoại cố định: 0243.8223221; Di động:; E-mail: pcvepa@gmail.com	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 4: Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i>	1. Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014; Dự thảo Dự án Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) (Điều 14, 19, 20)
	2. Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường
	3. Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA TỪNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC QUY ĐỊNH CHI TIẾT <i>(Sử dụng nội dung đánh giá đối với từng bộ phận cấu thành của TTHC tại Phần II Biểu mẫu 01A/ĐG-KSTT)</i>	
1. Tên thủ tục hành chính	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:
b) Có chính xác và thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính này không?	Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do:
b) Có được quy định hợp lý giữa các bước thực hiện để tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí	Có ☒ Không ☐

cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện?	Nêu rõ lý do: Sẽ quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật.
c) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Dự án Luật (Điều 20) đã quy định có tính nguyên tắc trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan thường trực thẩm định và cá nhân, tổ chức nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân nắm rõ được trách nhiệm và nhiệm vụ trong thủ tục. Quy định về trình tự, thủ tục của từng việc, từng khâu sẽ được cụ thể hoá trong văn bản dưới luật.
d) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: TTHC này thực hiện độc lập, không đồng thời với các TTHC khác.
e) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☒ Không ☐ Nếu CÓ, nêu rõ: - Lý do quy định: Đây là hoạt động quan trọng của thủ tục để bảo đảm báo cáo đánh giá tác động môi trường có chất lượng, đáp ứng yêu cầu. Do đó, đây là điều kiện cần về mặt môi trường để các báo cáo ĐTM được cấp quyết định phê duyệt kết quả thẩm định. - Căn cứ quy định: + Được quy định mới tại dự án, dự thảo ☐ + Đã được quy định tại văn bản khác ☐ Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☐ Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp ☒ Bưu điện ☒ Mạng ☒ b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☒ Bưu điện ☒ Mạng ☒	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Sẽ quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Hiện trong dự thảo chưa quy định rõ cách thức nộp hồ sơ và nhận kết

	quả đối với thủ tục hành chính này nhưng hiện nay nhiều cơ quan QLNN đã áp dụng cả 3 hình thức thực hiện. Trong văn bản hướng dẫn thi hành Luật sẽ quy định cụ thể theo phương án cả 3 hình thức này để phù hợp với trình độ, điều kiện phát triển công nghệ thông tin hiện nay và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện.
4. Hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	- Nêu rõ lý do quy định: Là cơ sở để Bộ Tài nguyên và môi trường xem xét, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường nhằm đưa ra các biện pháp bảo vệ môi trường khi các dự án đầu tư được triển khai - Yêu cầu, quy cách: Quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật - Lý do quy định: Tạo điều kiện cho cá nhân, tổ chức dễ dàng thực hiện
b) Tên thành phần hồ sơ 2: Báo cáo đánh giá tác động môi trường	- Nêu rõ lý do quy định: Là cơ sở để Bộ Tài nguyên và môi trường xem xét, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường nhằm đưa ra các biện pháp bảo vệ môi trường khi các dự án đầu tư được triển khai - Yêu cầu, quy cách: Quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật - Lý do quy định: Tạo điều kiện cho cá nhân, tổ chức dễ dàng thực hiện
c) Tên thành phần hồ sơ 3: Bản sao báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc các tài liệu tương đương của dự án	- Nêu rõ lý do quy định: Là cơ sở để Bộ Tài nguyên và môi trường xem xét, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường nhằm đưa ra các biện pháp bảo vệ môi trường khi các dự án đầu tư được triển khai - Yêu cầu, quy cách: Quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật. - Lý do quy định: Tạo điều kiện cho cá nhân, tổ chức dễ dàng thực hiện
d) Tên thành phần hồ sơ 4: Văn bản thẩm tra của tổ chức thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với trường hợp phải thẩm tra theo quy định.	- Nêu rõ lý do quy định: Văn bản thẩm tra của tổ chức thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với trường hợp phải thẩm tra theo quy định là đánh giá có tính chuyên môn chuyên sâu, độc lập của cơ quan, tổ chức có kinh nghiệm, năng lực đối với báo cáo ĐTM của dự án. Đây cũng là kênh thông tin khách quan, độc lập, có tính khoa học chuyên sâu hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi xem xét, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. - Yêu cầu, quy cách: Quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

	Lý do quy định: Tạo điều kiện cho cá nhân, tổ chức dễ dàng thực hiện.
Các thành phần hồ sơ nêu trên có bao gồm đầy đủ các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC không?	Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:
5. Thời hạn giải quyết	
	- Có được quy định rõ ràng và cụ thể không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: -Thời hạn : (Nêu rõ từng thời hạn nếu TTHC do nhiều cơ quan, nhiều cấp có thẩm quyền giải quyết): Nêu rõ lý do: Khoản 4, Điều 20 dự thảo Luật quy định <i>4. Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường quy định như sau:</i> <i>a) Thời hạn tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an không quá 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</i> <i>b) Thời hạn tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</i>
6. Cơ quan thực hiện	
	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Điều 19 dự thảo Luật quy định <i>1. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án sau:</i> <i>a) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, trừ dự án thuộc bí mật quốc phòng, an ninh;</i> <i>b) Dự án trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên, dự án nằm trên vùng biển không xác định được trách nhiệm quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ dự án thuộc bí mật quốc phòng, an ninh;</i>

	c) Dự án thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khoáng sản, nhận chìm chất thải, vật chất ở biển và tài nguyên nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; dự án xây dựng cơ sở tái chế, xử lý chất thải rắn tập trung cấp tỉnh trở lên; dự án tái chế, xử lý chất thải nguy hại; dự án đầu tư xây dựng cơ sở phá dỡ tàu cũ, cơ sở sản xuất có sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; d) Dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công thuộc danh mục dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II Luật này; đ) Các dự án khác do Chính phủ quy định. 2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án thuộc bí mật quốc phòng, an ninh. 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư trên địa bàn không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. - Có được quy định áp dụng tối đa các giải pháp phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan hành chính cấp dưới hoặc địa phương giải quyết không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được phân cấp cho UBND cấp tỉnh thẩm định theo quy định tại Điều 19.
7. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện: - Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ Mô tả rõ: - Cá nhân: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ Mô tả rõ: <i>Khoản 2 Điều 14 quy định tiêu chí đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường gồm:</i> + <i>Dự án đầu tư có tác động xấu đến môi trường, sử dụng diện tích đất, mặt nước lớn và có ảnh hưởng xấu đến cảnh quan thiên</i>	- Lý do quy định: + Về đối tượng: Việc quy định đối tượng phải thực hiện ĐTM căn cứ vào tiêu chí tác động xấu đến môi trường của dự án, không phân biệt là các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm xác định đúng vai trò của công cụ ĐTM; đồng thời, bảo đảm sự công bằng, không phân biệt đối xử đối với các thành phần đối tượng. + Về phạm vi: Quy định áp dụng cho đối tượng dự án có tác động xấu đến môi trường trên toàn quốc, không phân biệt vùng, miền, khu vực địa lý để đảm bảo thống nhất trong quản lý và công bằng đối với mọi tổ chức, cá nhân trên toàn quốc. - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng, phạm vi để tăng số đối tượng thực hiện được hưởng lợi không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Chỉ các đối tượng trong tiêu chí quy định tại Khoản 2, Điều 14 mới phải

<i>nhiên quan trọng, hệ sinh thái, đa dạng sinh học trong giai đoạn thực hiện dự án và không phát sinh chất thải hoặc chỉ phát sinh chất thải sinh hoạt được quản lý theo quy định trong giai đoạn kết thúc xây dựng dự án;</i> + Dự án đầu tư có quy mô lớn, thuộc loại hình công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. b) Phạm vi áp dụng: - Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ Biên giới, hải đảo ☐ c) Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 200 đối tượng/năm.	thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, do vậy không thể mở rộng hay thu hẹp đối tượng, phạm vi.
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí không? - Phí: Không ☐ Có ☒ Nếu CÓ, nêu rõ lý do: Đảm bảo kinh phí cho việc tổ chức hội đồng thẩm định và kiểm tra, xác minh thực tế. - Lệ phí: Không ☐ Có ☐ Nếu CÓ, nêu rõ lý do: 	- Mức phí, lệ phí: + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức phí, lệ phí có phù hợp không: Có ☐ Không ☐ Lý do: Chưa quy định rõ tại văn bản luật này - Mức phí, lệ phí được quy định tại: + Dự án, dự thảo ☐ + Văn bản khác ☒ (i) Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: (ii) Nếu chưa ban hành, nêu rõ lý do: Sẽ quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật.
b) Ngoài phí, lệ phí cá nhân, tổ chức có các	- Nội dung chi trả:

chi trả nào khác? Không ☒ Có ☐ Nếu CÓ, nội dung này được quy định tại: - Dự thảo ☐ - Văn bản khác ☐ Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng:	Lý do chi trả: - Mức chi trả: Mức chi trả này có phù hợp không: Có ☐ Không ☐ Lý do:
c) Dự kiến chi phí tuân thủ TTHC: 9.503.787.500 đồng	Mức chi phí này có phù hợp không: Có ☒ Không ☐ Lý do: Phù hợp với nội dung TTHC và đối tượng thực hiện.
9. Mẫu đơn, tờ khai	
TTHC có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☒ Không ☐ - Nếu CÓ, quy định về: Mẫu đơn ☒ Tờ khai ☐ - Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:.....
a) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá môi trường Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☒ Nếu CÓ, nêu rõ: - Lý do: - Có quy định rõ cơ quan nhà nước hay người có thẩm quyền và nội dung xác nhận không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do:	Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: - Nội dung thông tin 1: Sẽ quy định cụ thể trong văn bản dưới Luật. Lý do quy định: - Nội dung thông tin: Sẽ quy định cụ thể trong văn bản dưới Luật. Lý do quy định:
b) Tên mẫu đơn, tờ khai n: (trình bày như trên, nếu có)	
10. Yêu cầu điều kiện	

TTHC này có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Không ☒ Có ☐
a) Yêu cầu, điều kiện 1:	- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một TTHC khác ☐ + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước ☐ - Những ảnh hưởng khi thực hiện yêu cầu, điều kiện: + Tăng chi phí (thời gian, nhân lực, tài chính) ☐ Nêu rõ:..... + Phân biệt đối tượng giữa các vùng, miền, khu vực, trong nước, quốc tế ☐ Nêu rõ:..... + Hạn chế một số đối tượng ☐ Nêu rõ: + Khác ☐ Nêu rõ: - Yêu cầu, điều kiện được quy định tại: + Dự án, dự thảo ☐ + Văn bản QPPL khác ☐ Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng:
b) Yêu cầu, điều kiện 2: Lý do quy định:	- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một TTHC khác ☐ + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước ☐ - Những ảnh hưởng khi thực hiện yêu cầu, điều kiện: + Tăng chi phí (thời gian, nhân lực, tài chính) ☐ Nêu rõ:.....

	rõ:..... + Phân biệt đối tượng giữa các vùng, miền, khu vực, trong nước, quốc tế ☐ Nêu rõ:..... + Hạn chế một số đối tượng ☐ Nêu rõ: + Khác ☐ Nêu rõ: - Yêu cầu, điều kiện được quy định tại: + Dự án, dự thảo ☐ + Văn bản QPPL khác ☐ Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng:
11.Kết quả	
- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☐ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☒ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☐ - Loại khác: Đề nghị nêu rõ:	- Có quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực: Có ☒ Không ☐ + Nếu CÓ, nêu thời hạn cụ thể: <i>Khoản 13 Điều 23 Dự thảo Luật quy định: Kể từ ngày giấy phép môi trường có hiệu lực, các văn bản: quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép, giấy chứng nhận, xác nhận, thẩm định về môi trường của dự án hết hiệu lực.</i> + Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: Sẽ quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật. - Phạm vi có giá trị hiệu lực: Toàn quốc ☒ Địa phương ☐ Lý do: Vì TTHC này được thực hiện trên toàn quốc. - Có thể kéo dài thời hạn/ thay đổi phạm vi giá trị hiệu lực: Có ☐ Không ☒ Lý do: Sẽ quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật. - Có quy định điều kiện có hiệu lực của kết quả: Có ☐ Không ☐ Lý do: Sẽ quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

	- Mẫu kết quả TTHC có phù hợp về nội dung, hình thức: Có ☒ Không ☐ Lý do: Sẽ quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật.
12. Quy định về từng bộ phận cấu thành của TTHC có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?	
a) Với văn bản của cơ quan cấp trên	- Có ☐ Không ☒ - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận cấu thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
b) Với văn bản của cơ quan khác	Có ☐ Không ☒ - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận cấu thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
c) Với Điều ước quốc tế mà Việt Nam gia nhập, ký kết	Có ☐ Không ☒ - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận cấu thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
III. THÔNG TIN LIÊN HỆ	Họ và tên người điền: Vụ Chính sách, Pháp chế và Thanh tra, Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường Điện thoại cố định: 0243.8223221; Di động:; E-mail: pcvepa@gmail.com

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 5: Cấp giấy chứng nhận nhãn sinh thái đối với sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i>	1. Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014; Dự án Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) (Điều 117)
	2. Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
	3. Thông tư số 41/2013/TT-BTNMT ngày 02 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định trình tự, thủ tục, chứng nhận nhãn sinh thái cho sản phẩm thân thiện với môi trường
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA TỪNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC QUY ĐỊNH CHI TIẾT <i>(Sử dụng nội dung đánh giá đối với từng bộ phận cấu thành của TTHC tại Phần II Biểu mẫu 01A/ĐG-KSTT)</i>	
1. Tên thủ tục hành chính	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:
b) Có chính xác và thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính này không?	Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Sẽ quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật
b) Có được quy định hợp lý giữa các bước thực hiện để tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Sẽ quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật
c) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan	Có ☒ Không ☐

nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Nêu rõ lý do: Sẽ quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật
d) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Đây là TTHC độc lập, không thực hiện đồng thời với các TTHC khác nên không triển khai áp dụng cơ chế liên thông.
e) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☐ Không ☒ Nếu CÓ, nêu rõ: - Lý do quy định: - Căn cứ quy định: + Được quy định mới tại dự án, dự thảo ☒ + Đã được quy định tại văn bản khác ☐ Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☐ Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp ☒ Bưu điện ☒ Mạng ☒ b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☒ Bưu điện ☒ Mạng ☒	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Sẽ quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Hiện trong dự thảo chưa quy định rõ cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả đối với thủ tục hành chính này nhưng với trình độ, điều kiện công nghệ thông tin hiện nay, nhiều TTHC đã và đang được áp dụng với cả 3 hình thức thực hiện cho việc nộp hồ sơ và nhận kết quả. Do đó, cách thức thực hiện TTHC cấp giấy chứng nhận nhân sinh thái sẽ được quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật, tuy nhiên, sẽ định hướng quy định theo cả 3 cách thức thực hiện này để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục.

4. Hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1:	- Nêu rõ lý do quy định: - Yêu cầu, quy cách: Sẽ quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Lý do quy định:
b) Tên thành phần hồ sơ 2:	Nêu rõ lý do quy định: - Yêu cầu, quy cách: Sẽ quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Lý do quy định:
Các thành phần hồ sơ nêu trên có bao gồm đầy đủ các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC không?	Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:
5. Thời hạn giải quyết	
	- Có được quy định rõ ràng và cụ thể không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Sẽ được quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật. -Thời hạn : <i>(Nêu rõ từng thời hạn nếu TTHC do nhiều cơ quan, nhiều cấp có thẩm quyền giải quyết):</i> Nêu rõ lý do:
6. Cơ quan thực hiện	
	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan thực hiện không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Khoản 1, 2, Điều 117 quy định <i>"1. Các sản phẩm, dịch vụ được gắn nhãn sinh thái khi đáp ứng tiêu chí nhãn sinh thái và được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng nhận.</i> <i>2. Việc giám định, đánh giá sự phù hợp, kiểm tra để đối chứng với các tiêu chí nhãn sinh thái đối với sản phẩm, dịch vụ phải do tổ chức chứng nhận, giám định có chức năng, đủ năng lực thực hiện."</i> <i>Tuy nhiên, không quy định rõ cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp giấy chứng</i>

<i>nhận là cơ quan, tổ chức nào.</i> - Có được quy định áp dụng tối đa các giải pháp phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan hành chính cấp dưới hoặc địa phương giải quyết không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Theo quy định hiện hành, việc cấp giấy chứng nhận nhãn sinh thái chỉ do Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện. Hiện dự thảo Luật đang sửa đổi, bổ sung theo hướng bổ sung việc ủy quyền cho tổ chức chứng nhận, giám định có chức năng, đủ năng lực thực hiện.	
7. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện: - Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ Mô tả rõ: - Cá nhân: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ Mô tả rõ: <i>Khoản 38, Điều 3 dự án Luật có nêu:</i> <i>Nhãn sinh thái Việt Nam là nhãn được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng nhận cho sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường.</i> b) Phạm vi áp dụng: - Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ Biên giới, hải đảo ☐ c) Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 20 đối tượng/năm.	- Lý do quy định: + Về đối tượng: Việc quy định đối tượng là các tổ chức trong và ngoài nước nhằm để đảm bảo việc thực hiện đúng theo văn bản quy định của pháp luật hiện hành; tránh phân biệt đối xử; đồng thời cũng nâng cao trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức trong việc bảo vệ môi trường. + Về phạm vi: Quy định áp dụng cho tất cả các sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ trên toàn quốc, không phân biệt vùng, miền, khu vực địa lý để đảm bảo thống nhất trong quản lý và công bằng đối với mọi tổ chức, cá nhân trên toàn quốc. - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng, phạm vi để tăng số đối tượng thực hiện được hưởng lợi không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Đã xem xét sửa đổi, bổ sung quy định trong dự án Luật để tăng số đối tượng thực hiện được hưởng lợi (hiện nay, thủ tục cấp giấy chứng nhận nhãn sinh thái chỉ cấp cho sản phẩm, khi Luật sửa đổi có hiệu lực, đối tượng được cấp giấy chứng nhận nhãn sinh thái được áp dụng cho cả các dịch vụ thân thiện môi trường).
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí không? - Phí: Không ☐ Có ☐	- Mức phí, lệ phí: + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí):

Nếu CÓ, nêu rõ lý do: - Lệ phí: Không ☐ Có ☐ Nếu CÓ, nêu rõ lý do: 	+ Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức phí, lệ phí có phù hợp không: Có ☐ Không ☐ Lý do: Chưa quy định rõ tại văn bản luật này - Mức phí, lệ phí được quy định tại: + Dự án, dự thảo ☐ + Văn bản khác ☒ (i) Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: (ii) Nếu chưa ban hành, nêu rõ lý do: Sẽ quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật.
b) Ngoài phí, lệ phí cá nhân, tổ chức có các chi trả nào khác? Không ☒ Có ☐ Nếu CÓ, nội dung này được quy định tại: - Dự thảo ☐ - Văn bản khác ☐ Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: 	- Nội dung chi trả: Lý do chi trả: - Mức chi trả: Mức chi trả này có phù hợp không: Có ☐ Không ☐ Lý do: Chưa nêu rõ tại văn bản luật này
c) Dự kiến chi phí tuân thủ TTHC: 77.262.500 đồng	Mức chi phí này có phù hợp không: Có ☒ Không ☐ Lý do: Phù hợp với nội dung TTHC và đối tượng thực hiện.
9. Mẫu đơn, tờ khai	
TTHC có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☐ Không ☐ - Nếu CÓ, quy định về: Mẫu đơn ☐ Tờ khai ☐ - Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: Sẽ quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật.
a) Tên mẫu đơn, tờ khai 1:	Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:

Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☒ Nếu CÓ, nêu rõ: - Lý do: - Có quy định rõ cơ quan nhà nước hay người có thẩm quyền và nội dung xác nhận không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: 	- Nội dung thông tin 1: Thông tin về cơ quan được giao nhiệm vụ Lý do quy định: - Nội dung thông tin: Thông tin về hồ sơ phải nộp Lý do quy định:
b) Tên mẫu đơn, tờ khai n: (trình bày như trên, nếu có)	
10. Yêu cầu điều kiện	
TTHC này có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Không ☐ Có ☒
a) Yêu cầu, điều kiện 1: sản phẩm, dịch vụ phải đáp ứng tiêu chí nhãn sinh thái do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Lý do quy định:	- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một TTHC khác ☐ + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước ☒ - Những ảnh hưởng khi thực hiện yêu cầu, điều kiện: + Tăng chi phí (thời gian, nhân lực, tài chính) ☒ Nêu rõ: Tăng chi phí cho cơ quan giám định và cả tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục. + Phân biệt đối tượng giữa các vùng, miền, khu vực, trong nước, quốc tế ☐ Nêu rõ:..... + Hạn chế một số đối tượng ☒ Nêu rõ: Chỉ những tổ chức, cá nhân có sản phẩm, dịch vụ đáp ứng tiêu chí nhãn sinh

	thái do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành mới được chứng nhận. + Khác ☒ Nêu rõ: TTHC sẽ được triển khai theo hướng bổ sung việc uỷ quyền cho cơ quan, tổ chức có đủ điều kiện theo quy định thực hiện, do đó, tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp giấy chứng nhận nhân sinh thái phải đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan, tổ chức được uỷ quyền. - Yêu cầu, điều kiện được quy định tại: + Dự án, dự thảo ☐ + Văn bản QPPL khác ☒ Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: Sẽ quy định trong văn bản dưới luật.
b) Yêu cầu, điều kiện 2: Lý do quy định:	- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một TTHC khác ☐ + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước ☐ - Những ảnh hưởng khi thực hiện yêu cầu, điều kiện: + Tăng chi phí (thời gian, nhân lực, tài chính) ☐ Nêu rõ:..... + Phân biệt đối tượng giữa các vùng, miền, khu vực, trong nước, quốc tế ☐ Nêu rõ:..... + Hạn chế một số đối tượng ☐ Nêu rõ: + Khác ☐ Nêu rõ: - Yêu cầu, điều kiện được quy định tại: + Dự án, dự thảo ☐ + Văn bản QPPL khác ☐

	Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng:
11.Kết quả	
- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☒ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☐ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☐ - Loại khác: ☐	- Có quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực: Có ☐ Không ☒ + Nếu CÓ, nêu thời hạn cụ thể: + Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: Sẽ được quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật - Phạm vi có giá trị hiệu lực: Toàn quốc ☒ Địa phương ☐ Lý do: Vì TTHC này được thực hiện trên toàn quốc. - Có thể kéo dài thời hạn/ thay đổi phạm vi giá trị hiệu lực: Có ☐ Không ☒ Lý do: Sẽ được quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật - Có quy định điều kiện có hiệu lực của kết quả: Có ☐ Không ☒ Lý do: Sẽ được quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật - Mẫu kết quả TTHC có phù hợp về nội dung, hình thức: Có ☒ Không ☐ Lý do: Sẽ được quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật
12. Quy định về từng bộ phận cấu thành của TTHC có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?	
a) Với văn bản của cơ quan cấp trên	- Có ☐ Không ☒ - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận cấu thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
b) Với văn bản của cơ quan khác	Có ☐ Không ☒ - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận cấu thành:

	 + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
c) Với Điều ước quốc tế mà Việt Nam gia nhập, ký kết	Có ☐ Không ☒ - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận cấu thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
III. THÔNG TIN LIÊN HỆ	Họ và tên người điền: Vụ Chính sách, Pháp chế và Thanh tra, Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường Điện thoại cố định: 0243.8223221; Di động:; E-mail: pcvepa@gmail.com

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Tên dự án, dự thảo: Dự án Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi)

TTHC 1: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú (chi phí tại cột G)
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Tìm hiểu thủ tục	Tìm hiểu thông tin, quy định về thủ tục	4,0	43.500			1	100	174.000	17.400.000	
1,2	Văn bản đề xuất	Soạn văn bản, in ấn, trình ký văn bản	8,0	43.500			1	100	348.000	34.800.000	
1,3	Chuẩn bị hồ sơ trình nộp	Thu thập, tổng hợp các văn bản pháp lý, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu	8,0	43.500		70.000	1	100	418.000	41.800.000	Chi phí in ấn, công chứng, photo
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	3,0	43.500		200.000	1	90	330.500	29.745.000	Chi phí đi lại

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú (chi phí tại cột G)
		Bưu điện	1,0	43.500		30.000	1	10	73.500	735.000	Cước phí chuyển phát
		Internet	0,5	43.500			1	0	21.750	0	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí										
3.3	Chi phí khác										
4	Công việc khác (nếu có)										
5	Nhận kết quả	Trực tiếp	6,0	43.500		200.000	1	70	461.000	32.270.000	Chi phí đi lại
		Bưu điện	2,0	43.500			1	30	87.000	2.610.000	
		Internet	0,0	43.500			1	0	0	0	
		Khác							0	0	
	TỔNG									159.360.000	

TTHC 2: Cấp giấy phép môi trường

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện / 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú (chi phí tại cột G)
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường	Soạn văn bản, in ấn, trình ký văn bản	7,5	43.500			1	200	326.250	65.250.000	
1.2	Báo cáo đề xuất cấp GPMT	Thu thập, tổng hợp tài liệu, số liệu; phân tích, đánh giá; chuẩn bị báo cáo; hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu	1040,0	43.500			1	200	45.240.000	9.048.000.000	
1.3	Tài liệu pháp lý và kỹ thuật khác của dự án, cơ sở.	Soạn tài liệu, in ấn, photo tài liệu	16,0	43.500			2	200	696.000	278.400.000	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	3,0	43.500		200.000	1	100	330.500	33.050.000	Chi phí đi lại
		Bưu điện	1,0	43.500		50.000	1	50	93.500	4.675.000	Cước phí chuyển phát
		Internet	0,5	43.500			1	50	21.750	1.087.500	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác								-	-	

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện / 01 năm	Số lượng đối tượng tuần thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú (chi phí tại cột G)
3.1	Phí					-	-	-	-	-	
3.2	Lệ phí					-	-	-	-	-	
3.3	Chi phí khác					-	-	-	-	-	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền									0	
		Chuẩn bị, cung cấp tài liệu, phối hợp trong công tác kiểm tra, thẩm định	24,0	43.500			1	200	1.044.000	208.800.000	
5	Công việc khác (nếu có)									0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	6,0	43.500		200.000	1	100	461.000	46.100.000	Chi phí đi lại
		Bưu điện	1,0	43.500			1	50	43.500	2.175.000	
		Internet	0,0	43.500			1	50	0	0	
		Khác									
	TỔNG									9.687.537.500	

TTHC 3: Thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

a) Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú (chi phí tại cột G)
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Tìm hiểu thủ tục	Tìm hiểu thông tin, quy định về thủ tục	8,0	43.500			1	5	348.000	1.740.000	
1,2	Văn bản đề nghị thẩm định	Soạn văn bản, in ấn, trình ký văn bản	4,0	43.500			1	5	174.000	870.000	
1,3	Lập hồ sơ báo cáo ĐMC	Xây dựng hồ sơ, lập báo cáo đánh giá, thu thập, tổng hợp thông tin, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu	240,0	43.500		70.000	1	5	10.510.000	52.550.000	Chi phí in ấn, công chứng, photo
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	4,0	43.500		200.000	1	3	374.000	1.122.000	Chi phí đi lại
		Bưu điện	2,0	43.500		40.000	1	1	127.000	127.000	Cước phí chuyển phát
		Internet	1,0	43.500		40.000	1	1	83.500	83.500	chi phí điện tử hóa hồ sơ
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú (chi phí tại cột G)
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí										
3.3	Chi phí khác										
4	Chuẩn bị, phục vụ việc thẩm định của cơ quan có thẩm quyền										
		Hoạt động 1	0,0	0			0	0	0	0	
		Hoạt động 2	0,0	0			0	0	0	0	
5	Nhận kết quả	Trực tiếp	4,0	43.500		200.000	1	3	374.000	1.122.000	
		Bưu điện	1,0	43.500			1	1	43.500	43.500	
		Internet	0,5	43.500			1	1	21.750	21.750	
		Khác									
	TỔNG									57.679.750	

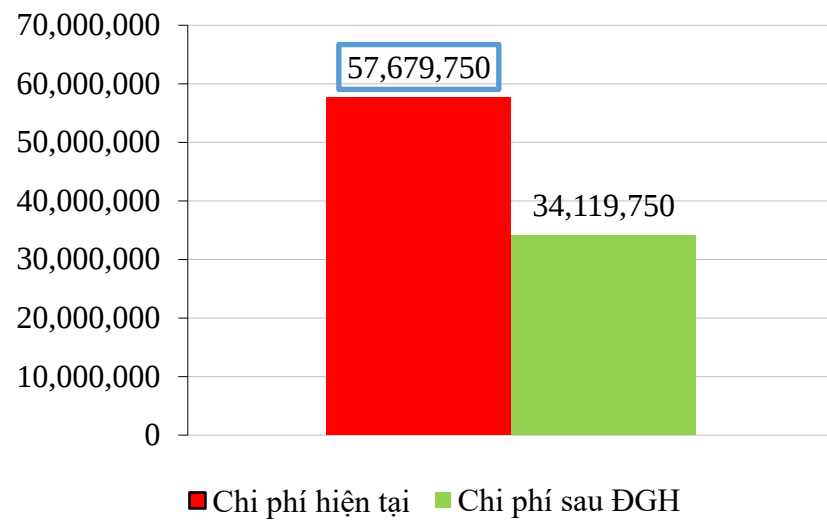
b) Chi phí tuân thủ TTHC sửa đổi, bổ sung

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú (chi phí tại cột G)
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Tìm hiểu thủ tục	Tìm hiểu thông tin, quy định về thủ tục	8,0	43.500			1	3	348.000	1.044.000	
1,2	Văn bản đề nghị thẩm định	Soạn văn bản, in ấn, trình ký văn bản	4,0	43.500			1	3	174.000	522.000	
1,3	Lập hồ sơ báo cáo ĐMC	Xây dựng hồ sơ, lập báo cáo đánh giá, thu thập, tổng hợp thông tin, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu	240,0	43.500		70.000	1	3	10.510.000	31.530.000	Chi phí in ấn, công chứng, photo
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	4,0	43.500		200.000	1	1	374.000	374.000	Chi phí đi lại
		Bưu điện	2,0	43.500		40.000	1	1	127.000	127.000	Cước phí chuyển phát
		Internet	1,0	43.500		40.000	1	1	83.500	83.500	chi phí điện tử hóa hồ sơ
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí										
3.3	Chi phí khác										

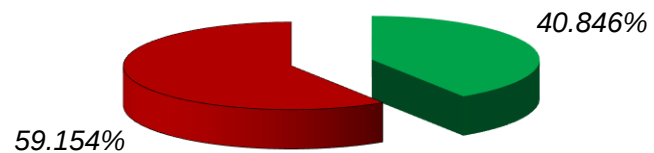
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú (chi phí tại cột G)
4	Chuẩn bị, phục vụ việc thẩm định của cơ quan có thẩm quyền										
		Hoạt động 1	0,0	0			0	0	0	0	
		Hoạt động 2	0,0	0			0	0	0	0	
5	Nhận kết quả	Trực tiếp	4,0	43.500		200.000	1	1	374.000	374.000	
		Bưu điện	1,0	43.500			1	1	43.500	43.500	
		Internet	0,5	43.500			1	1	21.750	21.750	
		Khác									
		TỔNG								34.119.750	

c) So sánh chi phí

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại và sau sửa đổi, bổ sung



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau sửa đổi, bổ sung



TTHC 4: Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

a) Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú (chi phí tại cột G)
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Tìm hiểu thủ tục	Tìm hiểu thông tin, quy định về thủ tục	8,0	43.500			1	400	348.000	139.200.000	
1,2	Văn bản đề nghị thẩm định	Soạn văn bản, in ấn, trình ký văn bản	4,0	43.500			1	400	174.000	69.600.000	
1,3	Lập hồ sơ báo cáo ĐTM	Xây dựng hồ sơ, lập báo cáo đánh giá, thu thập, tổng hợp thông tin, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu	240,0	43.500		70.000	1	400	10.510.000	4.204.000.000	Chi phí in ấn, công chứng, photo
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	4,0	43.500		200.000	1	200	374.000	74.800.000	Chi phí đi lại
		Bưu điện	2,0	43.500		40.000	1	100	127.000	12.700.000	Cước phí chuyển phát
		Internet	1,0	43.500		40.000	1	100	83.500	8.350.000	chi phí điện tử hóa hồ sơ

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú (chi phí tại cột G)
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí					35.000.000	1	400	35.000.000	14.000.000.000	chi phí khảo sát, họp thẩm định
3.2	Lệ phí										
3.3	Chi phí khác										
4	Chuẩn bị, phục vụ việc thẩm định của cơ quan có thẩm quyền										
		Chuẩn bị, cung cấp tài liệu, phối hợp trong công tác kiểm tra tại thực địa, tổ chức họp thẩm định	24,0	43.500			1	400	1.044.000	417.600.000	
5	Nhận kết quả	Trực tiếp	4,0	43.500		200.000	1	200	374.000	74.800.000	
		Bưu điện	1,0	43.500			1	100	43.500	4.350.000	
		Internet	0,5	43.500			1	100	21.750	2.175.000	
		Khác									

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú (chi phí tại cột G)
	TỔNG									19.007.575.000	

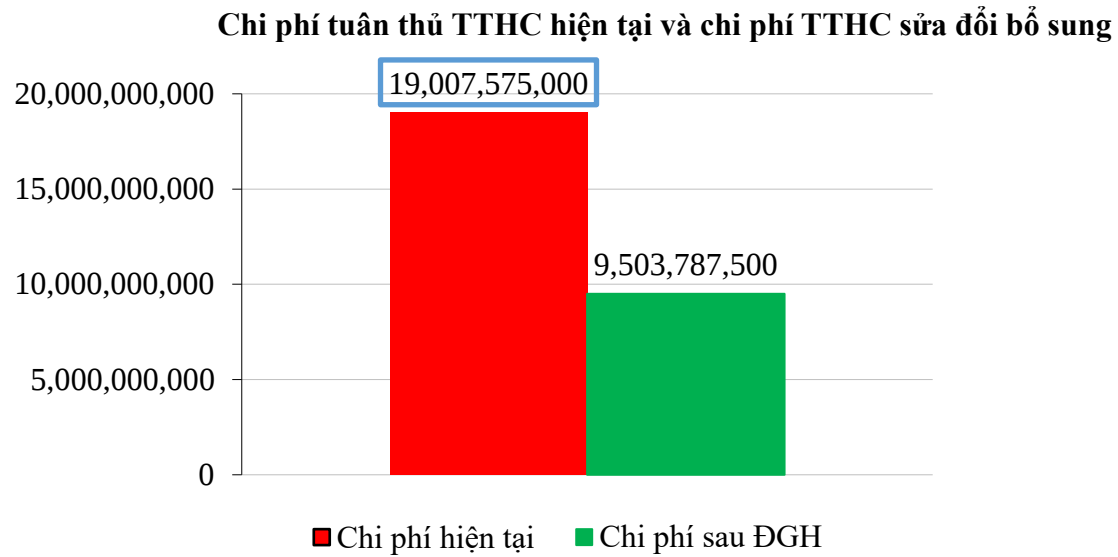
b) Chi phí tuân thủ TTHC sửa đổi, bổ sung

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú (chi phí tại cột G)
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Tìm hiểu thủ tục	Tìm hiểu thông tin, quy định về thủ tục	8,0	43.500			1	200	348.000	69.600.000	
1,2	Văn bản đề nghị thẩm định	Soạn văn bản, in ấn, trình ký văn bản	4,0	43.500			1	200	174.000	34.800.000	
1,3	Lập hồ sơ báo cáo ĐTM	Xây dựng hồ sơ, lập báo cáo đánh giá, thu thập, tổng hợp thông tin, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu	240,0	43.500		70.000	1	200	10.510.000	2.102.000.000	Chi phí in ấn, công chứng, photo
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	4,0	43.500		200.000	1	100	374.000	37.400.000	Chi phí đi lại

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú (chi phí tại cột G)
		Bưu điện	2,0	43.500		40.000	1	50	127.000	6.350.000	Cước phí chuyển phát
		Internet	1,0	43.500		40.000	1	50	83.500	4.175.000	chi phí điện tử hóa hồ sơ
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí					35.000.000		200	35.000.000	7.000.000.000	chi phí khảo sát, họp thẩm định
3.2	Lệ phí										
3.3	Chi phí khác										
4	Chuẩn bị, phục vụ việc thẩm định của cơ quan có thẩm quyền										
		Chuẩn bị, cung cấp tài liệu, phối hợp	24,0	43.500			1	200	1.044.000	208.800.000	

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú (chi phí tại cột G)
		trong công tác kiểm tra tại thực địa, tổ chức họp thẩm định									
5	Nhận kết quả	Trực tiếp	4,0	43.500		200.000	1	100	374.000	37.400.000	
		Bưu điện	1,0	43.500			1	50	43.500	2.175.000	
		Internet	0,5	43.500			1	50	21.750	1.087.500	
		Khác									
	TỔNG									9.503.787.500	

c) So sánh chi phí



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau sửa đổi, bổ sung



TTHC 5: Cấp giấy chứng nhận nhãn sinh thái đối với sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường

a) Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú (chi phí tại cột G)
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Tìm hiểu thủ tục	Tìm hiểu thông tin, quy định về thủ tục	4,0	43.500			1	20	174.000	3.480.000	
1,2	Văn bản xin cấp chứng nhận	Soạn văn bản, in ấn, trình ký văn bản	8,0	43.500			1	20	348.000	6.960.000	
1,3	Chuẩn bị hồ sơ trình nộp	Thu thập, tổng hợp các văn bản pháp lý, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu	8,0	43.500		70.000	1	20	418.000	8.360.000	Chi phí in ấn, công chứng, photo
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	3,0	43.500		200.000	1	10	330.500	3.305.000	Chi phí đi lại
		Bưu điện	1,0	43.500		30.000	1	5	73.500	367.500	Cước phí chuyển phát
		Internet	0,5	43.500			1	5	21.750	108.750	

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú (chi phí tại cột G)
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí										
3.3	Chi phí khác										
4	Công việc khác (nếu có)	Phối hợp trong quá trình xác minh, kiểm tra, xác nhận	16,0	43.500		5.000.000	1	20	5.696.000	113.920.000	Chi phí đi lại
5	Nhận kết quả	Trực tiếp	4,0	43.500		200.000	1	10	374.000	3.740.000	Chi phí đi lại
		Bưu điện	2,0	43.500			1	5	87.000	435.000	
		Internet	0,5	43.500			1	5	21.750	108.750	
		Khác							0	0	
	TỔNG									140.785.000	

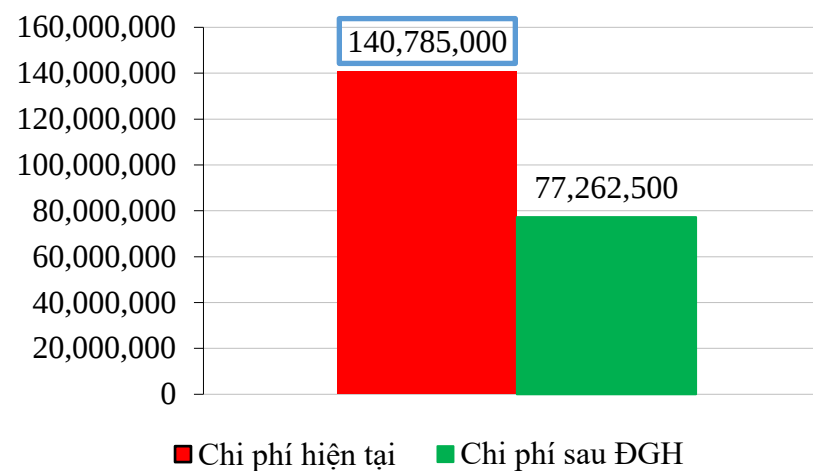
b) Chi phí tuân thủ TTHC sửa đổi, bổ sung

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú (chi phí tại cột G)
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Tìm hiểu thủ tục	Tìm hiểu thông tin, quy định về thủ tục	4,0	43.500			1	20	174.000	3.480.000	
1,2	Văn bản xin cấp chứng nhận	Soạn văn bản, in ấn, trình ký văn bản	8,0	43.500			1	20	348.000	6.960.000	
1,3	Chuẩn bị hồ sơ trình nộp	Thu thập, tổng hợp các văn bản pháp lý, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu	8,0	43.500		70.000	1	20	418.000	8.360.000	Chi phí in ấn, công chứng, photo
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	3,0	43.500		200.000	1	5	330.500	1.652.500	Chi phí đi lại
		Bưu điện	1,0	43.500		30.000	1	5	73.500	367.500	Cước phí chuyển phát
		Internet	0,5	43.500			1	10	21.750	217.500	
3	Nộp phí, lệ										

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú (chi phí tại cột G)
	phí, chi phí khác										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí										
3.3	Chi phí khác										
4	Công việc khác (nếu có)	Phối hợp trong quá trình xác minh, kiểm tra, xác nhận	16,0	43.500		2.000.000	1	20	2.696.000	53.920.000	Chi phí đi lại
5	Nhận kết quả	Trực tiếp	3,0	43.500		200.000	1	5	330.500	1.652.500	Chi phí đi lại
		Bưu điện	2,0	43.500			1	5	87.000	435.000	
		Internet	0,5	43.500			1	10	21.750	217.500	
		Khác							0	0	
	TỔNG									77.262.500	

c) So sánh chi phí

Chi phí tuân thủ TTHC sau sửa đổi, bổ sung



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau sửa đổi, bổ sung

